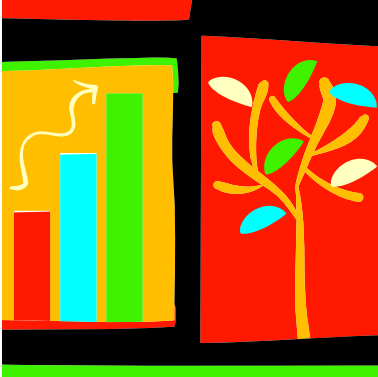


Nguyễn Nguyễn

Thử đọc lại Kim Dung



Phần I

Có lẽ trong tiềm thức của tôi trong hơn 35 năm qua luôn luôn vẫn có một số thắc mắc, tức bực về tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung. Trước hết nếu so với các truyện kiếm hiệp cổ điển của Trung Quốc như Lã Mai Nương, Càn Long du Giang nam, Tiết Nhân Quý chinh đông, Thuyết Đường, Thủy Hử v.v..., trong các truyện chương của Kim Dung - ít khi nào ông cho khai tử bớt những nhân vật cực ác khi đến quá nửa truyện. Thậm chí nhiều khi cho đến hết truyện những nhân vật cực kỳ nham hiểm và gian ác đó vẫn chưa được cho gác kiếm về châu Diêm Vương, nhưng lại vẫn cứ tiếp tục sống dai và "quậy" dài dài cho đến một thế hệ tiếp nối trong một truyện kiếm hiệp nối tiếp khác. Thí dụ như Tây độc Âu Dương Phong trong Xạ điêu Anh hùng truyện đã sống luôn qua đến khoảng nửa truyện kế tiếp mang tên Thần Điêu hiệp lữ rồi mới lặn đùng ra chết sau khi đấu võ nghệ với Bắc cái Hồng Thất công suốt mấy ngày liền trên một đỉnh núi tuyết trước sự chứng kiến của cậu thanh niên Dương Quá. Hoặc giả như Tinh Tú lão quái Đinh Xuân Thu trong Lục Mạch thần kiếm và Thiên Long bát bộ - một nhân vật cực kỳ hung ác ai cũng ghét thế mà cứ sống dài dài - sống lâu hơn một

trong những nhân vật chính là Tiêu Phong - cho đến hết truyện luôn. Cũng giống như Mộ Dung Phục - lúc đầu truyện mang cá tính nửa chính nửa tà nhưng đến lúc cuối truyện trở nên hoàn toàn gian ác bởi mang nhiều tham vọng khôi phục nước Yên - tác giả cũng không cho chết quách cho xong nhưng lại trở nên điên điên khùng khùng như Âu Dương Phong trong cuối truyện Anh hùng xạ điêu nói trên.

Tranh chấp để xem ai võ công cao nhất, ai là anh hùng vô địch thiên hạ cũng thường không được giải đáp cho thật chắc chắn như trong các truyện kiếm hiệp ngày xưa trước thời Kim Dung. Trong Anh hùng xạ điêu và Võ lâm ngũ bá, có tất cả 5 người với võ nghệ tuyệt luân: Bắc cái Hồng Thất công, Nhất Đẳng đại sư Đoàn Nam đế, Tây độc Âu Dương Phong, Đông tà Hoàng Dược Sư và Trung thần thông Vương Trùng Dương. Năm người đó mỗi người có một hai ngón võ tuyệt chiêu bao trùm thiên hạ. Nhưng khổ nỗi nếu họ đấu với nhau thì lại "bất phân thắng bại"!!! Vương Trùng Dương thường được xem như "trên cơ" 4 người kia một chút nhưng lại... chẳng may chết sớm, và trước khi chết thật Vương Trùng Dương đóng kịch chết giả để cố ý thọc vào chính huyết của Tây độc Âu Dương Phong một ngón Nhất dương chỉ cho Tây Độc chưa bỏ tham vọng đi ăn cắp quyền võ công bí kíp Cửu Âm chân kinh. Thành ra trong hầu hết suốt các truyện Anh hùng xạ điêu hoặc Võ lâm ngũ bá ta không thấy một ai có thể xưng anh hùng vô địch hay võ lâm minh chủ cả. Thất vọng nhất trong cái "lô gích" của Kim Dung phải là anh chàng Quách Tĩnh. Anh này có nội công tự nhiên trời cho như hút được máu rắn quý của một thiền sư nào đó, học võ nghệ từ nhỏ với Giang Nam thất quái, học leo núi với Mã Ngọc, học các võ chính như Hàng long thập bát chương của Hồng Thất công, học thể đánh Thiên cang Bắc đầu trận của phái Toàn Chân, học Cửu Âm chân kinh và Song thủ hổ báo từ Chu Bá Thông một cao thủ tương đương hay hơn Võ lâm ngũ bá một chút, vài ngón

nghề Nhất dương chỉ từ chính Đoàn Nam đế. Quách Tĩnh như vậy đã học các món võ chính tông của ít lắm là 3 trên 5 vị ngũ bá đó - cộng với tuổi trẻ, với "tư duy" sẵn có, với nội công thâm hậu nhờ uống máu rắn. Thế mà lúc đấu với các cao thủ khác như Cừu Thiên Nhận (chính hiệu), Quách Tĩnh không bao giờ chứng tỏ được thể thượng phong đánh hạ được họ hay cho họ nằm "đo đất" cả. Lô gích đó của Kim Dung hồi còn trẻ người viết xem như hơi "lỏng chổng" không được chặt chẽ chút nào. Thêm một thí dụ khác: Trương Vô Kỵ trong Cô gái Đồ long đã trải qua bao nhiêu thăng trầm và học được bao nhiêu thể võ tuyệt chiêu: Cừu Dương chân linh lúc sống dưới thung lũng núi tuyết qua quyền sách dấu trong bụng con khỉ, ăn được con ếch đỏ cũng ở dưới thung lũng để bổ xung dương khí, luyện được Càn Khôn đại na di tâm pháp lúc bị nhốt trên Quang Minh đỉnh, học Thái Cực quyền và Thái Cực kiếm rất thuần thục với Trương Tam Phong, v.v... và v.v... thế đến khi đụng độ với người yêu cũ Chu Chỉ Nhược, hình như Trương Giáo chủ phải chịu lép mặc dù cô Chu chương môn Nga Mi chỉ học được có Cừu Âm Chân Kinh và một số chiêu của Nga Mi kiếm pháp mà thôi. Lô gích nằm ở đâu hay Kim Dung đã theo một thời đại trọng nữ khinh nam? Tức bực cho độc giả còn phải kể đến cái ngón Lục mạch thần kiếm của thái tử Đoàn Dự! Võ nghệ thứ gì mà khi được khi không, trong cuộc đời thật chắc làm gì có loại võ nghệ kỳ cục như vậy - giống như chiếc xe hơi, cái radio hay tivi rất cũ kỹ khi chạy khi không? Rồi còn rất nhiều, nhiều nữa những cái lủng củng trong lô gích của Kim Dung về ai giỏi võ hơn ai trong các bộ truyện chương của ông.

Những thắc mắc đó hình như cứ lớn vồn trong đầu người viết qua nhiều năm tháng, rồi trở đi trở lại trong hai thập niên qua khi xem phim tập Hongkong quay đi quay lại nhiều lần các truyện của Kim Dung. Nhiều khi người viết cũng thử đặt ra một vài giả thuyết dựa trên kiến thức rất hạn hẹp của mình

về triết lý Đông phương - thử giải thích các dụng ý của Kim Dung khi ông ra công sáng tác các tác phẩm kiếm hiệp để đời đó. Người viết thử dùng những triết lý như "nhân vô thập toàn" hay bắt chước các người viết khác moi Kinh Dịch, hay sưu tầm những "ẩn số chính trị" để tìm giải đáp cho một thắc mắc lâu năm về Kim Dung. Nhưng rất tiếc và nói cho đúng người viết vẫn chưa được hoàn toàn thoả mãn về những ẩn ý của Kim Dung khi ông cho vào các truyện của ông một lôgích có vẻ hoàn toàn bác bỏ lôgích của Tam đoạn luận: A giỏi hơn B, B giỏi hơn C, do đó A phải giỏi hơn C. Nói một cách khác và thông thường, nếu A có nhiều tiền và của cải hơn B, ta nói A giàu hơn B. Nếu A cùng cỡ tuổi với B và A học được và thành thực nhiều ngón võ hơn B, A chắc sẽ giỏi võ hơn B và sẽ "nốc ao" B khi đấu với B. Tương tự Trương Vô Kỵ có vẻ học được nhiều ngón võ tuyệt chiêu hơn Chu Chỉ Nhược - đại khái Cửu Dương chân kinh, Càn Khôn đại nã di, Thái Cực kiếm, Thái Cực quyền, v.v... Nội cái Càn Khôn đại nã di - một môn võ tối cao của Minh giáo thời đó có mãnh lực biến đổi thủ dùng gây ông đập lưng ông - Vô Kỵ đã học được trong lúc bị nhốt với Tiểu Siêu ở trong mật động của Quang Minh Đỉnh - nếu theo đúng mô tả của chính tác giả - cũng đủ dùng để chế ngự được Cửu Âm Chân Kinh, nếu không kể đến các thứ võ lâm chi bảo như Thái Cực kiếm và Thái cực quyền. Càn Khôn Đại Nã Di chắc chắn - theo lôgích của mô tả trong truyện - sẽ chế ngự được thể đánh móc vào sọ người kiểu Cửu Âm bạch cốt trảo trong Cửu Âm Chân Kinh bởi nó có thể khiến bàn tay bạch cốt trảo quay về tự móc sọ của người xử dụng nó để tấn công mình! Trong khi ấy Chu Chỉ Nhược theo với ước đoán của độc giả (vì đoạn Chu Chỉ Nhược luyện Cửu Âm Chân Kinh tác giả dấu không kể ra) chỉ biết có Cửu Âm Chân Kinh và rất có thể chỉ biết qua loa về Nga Mi kiếm pháp bởi lúc Diệt Tuyệt Sư Thái nhường ngôi chưởng môn Nga Mi cho họ Chu, Diệt Tuyệt Sư Thái đang sắp sửa tự tử nên chưa có thì

giờ truyền lại trọn vẹn các ngón nghề của Nga Mi kiếm pháp cho nàng. Thế mà Kim Dung tự ý cho Vô Kỵ gần như bất lực trước Chỉ Nhược và có vẻ "dưới cơ" Chu Chỉ Nhược. Thật bực mình!!!

Thế nhưng, gần đây nhân lúc đọc được quyển "Cờ Bạc" của Huỳnh Văn Lang do Nhà văn nghệ Tổng Phát Hành xuất bản vào năm 1998, người viết tự nhiên thấy những "cái đỉnh" kể ra trong quyển Cờ Bạc, nhất là những chương về nghệ thuật đá gà khá dĩ có thể dùng để giải thích những hiện tượng tréo cẳng ngỗng trong các phần đấu võ trong các truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Theo tác giả Huỳnh Văn Lang (HVL) trong suốt "sự nghiệp" đá gà ăn tiền của ông kéo dài hàng chục năm sau khi rời chiếc ghế Tổng giám đốc Viện Hối đoái VNCH, ông đã kiếm tiền khá bộn trong việc nuôi gà đá và đá gà nhờ ở việc áp dụng thuyết Ngũ hành của triết lý Trung Quốc. Tác giả kể lại một ngày nào đó năm xưa ông được một người bạn tặng cho một quyển sách cũ viết về nghệ thuật đá gà áp dụng theo thuyết Âm Dương Ngũ hành do chính đức Tả quân Lê Văn Duyệt viết. Xin tạm trích một đoạn quan trọng của quyển Cờ Bạc:

"Theo Tả quân, ...con gà cũng như con người, cùng vạn vật đã sinh ra trong vũ trụ thì tất nhiên bị vũ trụ bao vây và chi phối, mà vũ trụ cùng vạn vật lại do định luật âm dương ngũ hành chi phối, vì tất cả đều do âm dương ngũ hành mà ra... Suy luận như vậy, Tả quân đã dùng luật Ngũ hành làm tiêu chuẩn căn bản cho môn chọi gà nòi của Ngài và còn để lại cho hậu thế những bài học nghệ thuật vừa cao siêu vừa hiệu nghiệm. Theo lời Ngài dạy: Từ thuở khai nguyên vũ trụ thì có Hoả, Hoả tự thiêu để sinh ra Thổ, Thổ sinh ra Kim, Kim sinh ra Thủy, Thủy sinh ra Mộc, để rồi Mộc lại sinh ra Hoả, làm thành một chu kỳ tương sinh của Ngũ hành. Động lực để vạn vật phát triển là SINH và KHẮC. Sinh là tạo, là dưỡng. Khắc là diệt, là trừ: Hoả khắc Kim, Kim khắc Mộc. Mộc Khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, để rồi Thủy

khắc Hoả lại - thành một chu kỳ tương Khắc của Ngũ hành."

Tác giả thuật tiếp cách phân biệt Ngũ hành qua màu sắc của con gà và những phức tạp gặp phải khi con gà mang nhiều màu sắc khác nhau. Lông màu gì pha với màu gì, móng gà màu gì và chân cẳng vậy vì mang màu gì. Sau khi đã minh định được màu sắc chính của con gà người chơi gà có thể xác nhận gà thuộc mạng nào, Kim hay Mộc, hay Thủy, hay Hoả hoặc Thổ, và đem nó đi so với gà sắp sửa phải đấu. Nếu gà mình mạng Hoả và gà đối phương thuộc mạng Kim - Hoả khắc Kim - gà bên mình rất có nhiều cơ hội dễ thắng. Và tác giả HVL đã xác nhận qua hằng trăm trận đấu gà từ năm 1969 cho đến đầu năm 1975 - cũng như Tả quân Lê Văn Duyệt trước khi viết quyển sách bí truyền đó, đã trải qua kinh nghiệm cỡ 400 độ đấu gà - luật Ngũ hành gần như có hiệu nghiệm gần đến 80-90 phần trăm. Theo khoa học, định luật Ngũ hành có vẻ rất có lý đó khi được áp dụng vào các vụ đấu gà được gọi định luật empirical (định luật thống kê). Định luật empirical rất nhiều khi vẫn có giá trị tương đương với những định luật thuần lý. Thí dụ về định luật thuần lý là luật vật lý về đun nước sôi. Định luật thuần lý luôn luôn đúng và đúng ở mọi chỗ, nói rằng khi ta đun nước nóng đến 100 độ, nước sẽ sôi và sôi ùng ục. Định luật thống kê có thể được thí dụ bằng một cuộc tổng tuyển cử lựa chọn chính quyền tại một nước dân chủ. Định luật sẽ nói rằng khi chính phủ đang cầm quyền làm mất lòng dân bằng những thất bại trong các chính sách kinh tế, y tế, và giáo dục, v.v. chính phủ đó sẽ bị thất cử dễ dàng. Đó là luật thống kê, thường thường đúng nhưng không chính xác đến 100 phần trăm.

Thuyết Âm Dương - Ngũ hành ra đời vào khoảng thời Xuân Thu Chiến Quốc, cùng một lúc với Kinh Dịch, do ở một nhà "thông thái" tên Trâu Diễn (1) đã hệ thống hoá nó cho được mạch lạc. Ngũ hành cũng được áp dụng trong nghệ thuật Phong Thủy (Feng Shui) xem nhà xem hướng, rất phổ

thông hiện nay trên toàn cầu. Tóm tắt Ngũ hành gồm có Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ, năm nguyên tố căn bản của vũ trụ. (Ở điểm này một vài học giả Tây Phương cho rằng Ngũ hành chịu nhiều ảnh hưởng của phái Zoroastre (2) của Ba Tư).

+ Kim tức kim loại, biểu tượng bằng màu Trắng, và theo Phong Thủy chỉ hướng TÂY (muốn dễ nhớ, nhớ người Âu Tây da trắng). Kim khắc Mộc, Kim có thể diệt được Mộc (nhớ cưa sắt cưa được gỗ), nhưng giúp được Thủy;

+ Mộc là gỗ, mang màu Xanh, đứng về hướng ĐÔNG. Mộc trị hay khắc Thổ (đóng cây vào đất - cây mọc từ đất mọc lên), nhưng giúp được Hoả (nhớ lửa cháy thường nhờ cây nhờ gỗ, giấy làm cháy lửa cũng do gỗ làm ra);

+ Thủy là Nước - biểu tượng màu Đen, đi về hướng BẮC. Thủy trị Hoả (tắt nhiên, nước dùng để chữa lửa) và hỗ trợ cho Mộc (cây cần nước để sống);

+ Hoả là Lửa - mang màu Đỏ, biểu hiệu bằng hướng NAM. Hoả khắc Kim (nhớ lò luyện kim cần có lửa) và giúp được Thổ;

+ Thổ là Đất - mang màu Vàng, đại diện bằng Miền Chính Giữa - TRUNG TÂM. Thổ khắc Thủy (nước thấm thấu vào lòng đất hay đập đất ngăn được nước chảy) và tương thân với Kim.

Tóm tắt có hai chu kỳ ngũ hành:

+ Chu kỳ SINH: Kim sinh Thủy, Thủy sinh ra Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả tự thiêu sinh ra Thổ, Thổ sinh Kim.

+ Chu kỳ KHẮC: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả, và Hoả lại khắc Kim.

(Hiểu kĩ như vậy ta hãy trở lại quyển Cờ Bạc của HVL trước khi đọc lại Kim Dung. Sau khi đọc được quyển sách bí truyền của Tả quân Lê Văn Duyệt, tác giả HVL đã cố gắng áp dụng thuyết ngũ hành theo sách Tả quân đi đá gà ăn tiền. Sau đó không lâu ông lại được cơ hội quen biết với một "ông già

gân" chuyên nghề dạy võ gốc người Quảng Ngãi vào Nam sinh sống lâu năm, mang tên Tám Long. Chính ông tám Long khuyên tác giả nếu muốn thấu triệt thuyết ngũ hành hãy đọc lại các pho truyện tàu xưa như Ngũ Hồ, Tiết Nhơn Quý, Tiết Đinh San, Võ Tắc Thiên, v.v.... sẽ thấy trong hầu hết các truyện tàu thuyết ngũ hành luôn luôn được ứng dụng triệt để. Các nhân vật chính trong các truyện tàu đều được mô tả qua màu sắc, điển hình trong truyện Thuyết Đường thuật chuyện các người anh hùng lo chuyện lật đổ nhà Tùy để lập nên nhà Đường với vị vua đầu tiên là Lí Thế Dân. Qua truyện đó, người đọc có thể để ý các hổ tướng được mô tả rõ rệt qua màu sắc và mạng lý theo Ngũ hành. Thí dụ, như Trình Giảo Kim mặt đỏ râu vàng, mặc áo giáp, đầu đội kim khôi - đặc biệt có hai mạng: khi trên ngựa mạng Hoả (mặt đỏ) và khi xuống ngựa, mạng Thổ (râu vàng); như La Thành, mặt trắng, mình ưa mặc bạch bào đoản giáp trắng, hay dùng cây Bát cốn Ngân thương bạc, cỡi ngựa Kim Thiên Lý Câu: đúng thật mạng Kim; như Đôn Hùng Tín, mặt xanh, chuyên mặc giáp xanh, hay dùng chiếc Kim đinh Đông dương sóc, cưỡi con ngựa Thanh tông mã, rõ ràng mang mạng Mộc; Tần Thúc Bảo lại khác, mặt vàng, áo giáp bằng đồng vàng, hay dùng đôi giản đồng và cưỡi ngựa có lông vàng như tơ, đích thị mạng Thổ; và Uất Trì Cung gốc thợ rèn, mặt đen, mặc thiết giáp bằng đồng đen, ra trận dùng ngựa ô tuyền, đúng là mạng Thủy. Quyển Cờ Bạc đưa một vài thí dụ chứng minh rằng các tác giả người Trung Quốc xưa và nay lúc nào cũng áp dụng thuyết ngũ hành (mạng này khắc mạng kia) trong các trận đánh với nhau. Khuôn khổ bài này có hạn nên chỉ xin trích lại một đoạn tả trận chiến giữa tướng Dương Lâm của nhà Tùy đầu với bên nhà Đường. Bên nhà Tùy ngoài tướng Dương Lâm còn có Thập Nhị Thái bảo lập ra trận Nhất tự trường xà - toàn treo cờ xanh (mạng Mộc). Bên Đường có Trình Giảo Kim và Tần Thúc Bảo - cả hai mang mạng Hoả và Thổ - đánh hoài nhưng không sao phá nổi trận. Sau nhờ có La Thành

- mang mạng Kim - chỉ đấu với tướng Dương Lâm có 10 hiệp, đâm Dương Lâm một thương ngay tại hông, phá tan trận và thu được hơn hai vạn hàng binh của nhà Tùy. Kim khắc Mộc là như vậy. Tóm lại khi đọc truyện Tàu ta nên để ý trước bổn mạng của các nhân vật rồi sẽ xem họ đâm đá đấu chưởng với nhau ra làm sao. Hằng trăm trận ăn thua hay sống chết với nhau thường dựa sát vào những tương sinh tương khắc của luật Ngũ hành mà thôi. Thí dụ một cao thủ võ lâm mặt đỏ, cỡi ngựa màu đỏ (xích thố), mang kiếm giáp màu đỏ (mạng Hỏa) chạy ngựa hay phi thân xuống núi đánh với một nhân vật võ lâm khác, cho dù đó là một bà lão mặt đen mặc quần áo màu đen (mạng Thủy), người đọc sành điệu luật Ngũ hành có thể đoán được rằng tác giả sẽ cho cao thủ từ trên núi xuống kia thế nào cũng sẽ bị thua chạy dài, nếu không bị chém đứt đầu thì cũng bị thương nặng tàn phế võ công!!! (3)

(1) Trâu Diễm là người nước Tề, sống vào cuối thời Chiến quốc. Sử ký viết về Trâu Diễm như sau: "Trâu Diễm bèn xem xét kỹ sự tiêu diệt, sinh trưởng của âm dương mà viết ra việc biến chuyển lạ lùng, viển vông. Đầu đuôi thiên Đại thánh hơn mười vạn chữ, lời lẽ mệnh mông rộng lớn không giống lời thường thấy". Sinh thời ông cũng như Khổng tử, đi khắp các nước để du thuyết, nhưng rất được vua các nước chư hầu tôn kính, không hề bị đối xử tệ như Khổng tử. Xem thêm Mạnh tử, Tuân khanh liệt truyện trong Sử ký.

(2) Tức Bái hoả giáo.

(3) Quả thực điều này rất thường thấy trong các tiểu thuyết Trung Hoa. Đoạn Tống Giang phá trận Thái Ất côn thiên tượng của Ngột Nhan Quang trong Hậu Thủy Hử là một ví dụ rất điển hình cho việc vận dụng quy luật sinh khắc của Ngũ hành trong xây dựng truyện.

Bây giờ xin trở lại những điểm "lỗ hổng" trong một vài truyện kiếm hiệp Kim Dung mà người viết còn nhớ. Tuy nhiên, trước hết xin mình định người viết không thể xác nhận người viết có tin vào luật Ngũ hành hay không,

nhưng chỉ có thể tiết lộ rằng qua mấy mươi năm đọc truyện Tàu và kiếm hiệp Kim Dung, cho mãi đến lúc đọc được quyển Cờ Bạc của Huỳnh Văn Lang người viết vẫn thường cho rằng mấy ông viết truyện Tàu có vẻ quên đầu quên đuôi không áp dụng lô-gích tây phương cặn kẽ, nhất là lô gích kiểu tam đoạn luận: A thắng B, B thắng C, vậy A chắc chắn phải thắng C. Chỉ đến lúc đọc xong đoạn đá gà trong quyển Cờ Bạc, mới thấy truyện Tàu nói chung và võ hiệp Kim Dung nói riêng hiếm khi dựa trên lô-gích tam đoạn luận của Tây Phương, nhưng lại chính yếu dựa trên lô-gích của thuyết Ngũ hành. Dem lô gích của luật Ngũ hành vào truyện Tàu, Tam Đoạn Luận phải cuốn gói đi chỗ khác chơi. Xin trở lại với Kim Dung:

Trước hết xin xét kĩ lại "Cô Gái Đồ Long" tức Ý Thiên Đồ Long ký. Trương Vô Kỵ mạng gì? Đầu tiên ta để ý Vô Kỵ bị Huyền Minh Thần Chương đánh cho bị bệnh gần chết. Huyền Minh thần chương lại là một băng hàn chương thuộc thể âm chỉ có Cửu Dương chân kinh - thể dương, chất nóng - mới trị được thôi. Sau đó Vô Kỵ làm Giáo chủ Minh giáo biểu hiệu bằng ngọn lửa, rồi lại mang vào nhiệm vụ đi tìm lại Thánh Hoả lệnh. Hỏa hỏa hỏa. Đích thị Vô Kỵ mang mạng Hoả. Còn tại sao tác giả gọi Huyền Minh thần chương thứ chương đã khiến cho Vô Kỵ bị trọng thương gần 8, 9 năm trời mà không gọi Huyết Minh hay Hồng Minh thần chương cho có vẻ rùng rợn? Huyền tức Đen chỉ mạng Thủy, Thủy (nước) dập hay khắc được Hoả (lửa). Thế Chu Chỉ Nhược mang mạng gì mà Vô Kỵ phải chịu xếp de? Ta xem binh khí hay võ công chính của Chu Chỉ Nhược là gì? Ý Thiên kiếm? Không phải, Ý Thiên Kiếm thật sự của Diệt Tuyệt Sư Thái, nó màu xanh và Diệt Tuyệt Sư Thái mạng Mộc - dễ bị Vô Kỵ làm cho quê mặt vì Vô Kỵ mạng Hoả - Mộc chỉ sinh Hoả (gỗ chỉ bị cháy vì lửa) thôi chứ không khắc được Hoả. Ta nhớ lại Chu Chỉ Nhược nghe lời dặn dò của sư phụ Diệt Tuyệt Sư Thái lo đi ăn cắp bảo đao Đồ Long để rồi dùng Ý Thiên Kiếm chặt võ đao Đồ Long để lấy

quyển bí kiếp Cửu Âm Chân Kinh được giấu trong đao Đồ Long. Mạng Chu Chi Nhược dính liền với đao Đồ Long (thầm phục dịch giả Từ Khánh Phụng không biết vì sao ông dịch tựa Ý Thiên Đồ Long Ký thành ra Cô Gái Đồ Long - và tất nhiên Chu Chi Nhược chính là Cô Gái Đồ Long - sự nghiệp của họ Chu đã dính liền với đao Đồ Long). Đao Đồ Long màu gì? Kim Dung đã tả Dư Đại Nham lần đầu thấy đao Đồ Long, chàng cầm lấy, lau sạch và đem đến gần ánh lửa xem cho kỹ, thấy nó màu ĐEN sì, chẳng phải sắt và cũng chẳng phải vàng... (Chương Thứ 3). Màu đen đích thị là màu của mạng Thủy. Mạng của Chu Chi Nhược là mạng Thủy (4)[black]. Thủy khắc Hỏa (mạng của Trương Vô Kỵ). Nước dùng để làm tắt lửa!! Và đó cũng xảy ra cùng lúc với chu kỳ Âm thịnh Dương suy. Vô Kỵ phải dưới cơ Chu Chi Nhược dù giỏi võ và nội công thâm hậu hơn Chu Chi Nhược!!! Vô Kỵ mang tên với nghĩa đơn sơ "Không kị thứ gì hết" thật ra lại kị Thủy và những chất âm đó chứ!

Chưa hết, nếu ta nhớ ở đoạn cuối khi Vô Kỵ, Chu Chi Nhược đấu nhau với 3 vị sư ở chùa Thiếu Lâm trước mặt bao nhiêu quần hùng. Chu Chi Nhược định dùng đòn lén để hạ thủ Tạ Tốn, đột nhiên xuất hiện một thiếu nữ mặc áo vàng phi thân từ đâu đến chỉ múa vài đường quyền qua cây gậy trúc đã đủ áp chế Chu Chi Nhược. Trước khi cáo biệt giới võ lâm thiếu nữ áo vàng đó tiết lộ nàng từ núi Chung Nam đến, tức con cháu của Thần Điêu đại hiệp Dương Quá! Thế nhưng tại sao Kim Dung cho họ mặc áo vàng? Lại không mặc áo xanh lam hay áo tím cho có màu sắc đỡ chói và thơ mộng? Áo vàng dùng để ám chỉ mạng Thổ. Thổ trị Thủy. Chỉ có nàng thiếu nữ áo vàng (Thổ) mới có cơ trị được Chu Chi Nhược (Thủy) theo đúng rơ và cơ sở của Ngũ hành!!!

Vẫn chưa hết, trong Ý Thiên Đồ Long ký còn có Y tiên Sĩ Hồ Thanh Ngưu. Hồ được sĩ tối ngày mài miệt với cây cỏ và các vị thuốc, liên quan đến Mộc.

Trong tên Hồ Thanh Ngu có từ THANH dùng để chỉ màu xanh. Màu xanh chính là màu của mạng Mộc. Hồ Thanh Ngu rõ ràng mang mạng Mộc. Thế Hồ Thanh Ngu tán mạng vì ai? Vì Kim Hoa Bà Bà, đầu từ phương Tây đến. Kim Dung đã cho thấy rõ chân tướng mạng của Kim Hoa Bà Bà: Tóc bạc trắng, có tên mang chữ KIM, gốc ở phương Tây - mạng Bà Bà mạng KIM. Kim khắc Mộc, nên vợ chồng Hồ Thanh Ngu phải mất mạng về tay Kim Hoa Bà Bà. Thật quá rõ! Còn một chi tiết nhỏ: Hồ Thanh Ngu mạng Mộc - Mộc sinh Hỏa, Mộc giúp Hỏa, và Hồ Thanh Ngu đã giúp Vô Kỵ mạng Hoả một thời gian vài ba năm truyền dạy Vô Kỵ gần hết những y thuật bí truyền của ông ta.

Thế còn Triệu Minh mạng gì? Triệu Minh có hai đặc tính: người Mông Cổ và yêu rồi cuối cùng nên duyên vợ chồng với đối thủ phản động Trương Vô Kỵ. Nhìn ở bản đồ, nước Mông Cổ nằm ở hướng Tây Bắc của Trung Hoa. Hướng Tây chỉ mạng KIM, hướng Bắc chỉ mạng Thủy. Có thể Triệu Minh mang mạng Tây và chút ít mạng Thủy hay chẳng? Xem kĩ thêm một chút ta thấy Triệu Minh lúc ban đầu mang sứ mệnh đi triệt hạ Minh giáo nhưng sau dần dần đâm ra phục Vô Kỵ rồi yêu con người hùng đi làm cách mạng này. Tức Triệu Minh (hay Triệu Mẫn trong bản hiệu đính mới của Kim Dung) đã khâm phục rồi yêu Trương giáo chủ hay nói cách khác bị Trương Vô Kỵ khắc phục bằng tài và ... tình. Có vẻ Triệu Minh mang mạng Kim chính, mạng Thủy phụ. Muốn chắc ăn hơn ta thử liệt kê các đặc tính của một người mang mạng Kim, một người mang mạng Thủy, mạng Hoả, mạng Thổ và mạng Mộc:

- + Tính người mạng Kim: có đầu óc tổ chức, thích ở trong thế chủ động và lãnh đạo, cần cho rằng mình đúng, thích trật tự và sạch sẽ.
- + Tính người mạng Thủy: giàu tưởng tượng, trung hậu, thông minh, rất "cứng cựa", độc lập, kín đáo, ...

+ Tính người mạng Hoả: giàu tình người, nhiều trực giác, thích được thương yêu, thích sôi nổi, giao tế giỏi, ...

+ Mạng Thổ: rất chừng mực, hài hoà, trung thành và đòi hỏi trung thành, thích chi tiết, thích bầu bạn nhưng có thể rất cứng đầu.

+ Mạng Mộc: vui tính, có mục đích, năng động, thích bận rộn, có thể rất hách xì xằng, thực tế, hiếu thắng, ...

Theo đó Triệu Minh mang nhiều cá tính mạng Kim hơn mạng Thủy và Chu Chỉ Nhược chắc chắn mang mạng Thủy, Vô Kỵ mạng Hoả. Mỗi tình giữa Triệu Minh và Vô Kỵ thật sự là mối tình chớm nở bằng việc khâm phục mến tài. Hoả khắc phục được Kim. Mối tình này khác với mối tình giữa Quách Tĩnh và Hoàng Dung, như sẽ phân tích phía dưới, đã chứng tỏ ngòi bút hết sức điêu luyện của Kim Dung - mặc nhiên nói lên tình yêu giữa người nam và người nữ - dù cho trong giới giang hồ kiếm hiệp đi nữa (trừ trường hợp anh chàng pê đê Đông Phương Bất Bại trong bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ) - không một mối tình nào giống mối tình nào.

(4) Theo ý kiến cá nhân của Nhất Tiểu, Chu Chỉ Nhược mạng thủy là hợp lý, nhưng phân tích như vậy e rằng hơi quá khiên cưỡng. Nhất Tiểu xin tạm lý giải theo một cách khác: Chỉ Nhược là con nhà thuyền chài, được Trương Tam Phong gửi lên Nga Mi. Nàng sinh trưởng ở nơi sông nước, tức là thuộc về mệnh thủy.

Bây giờ xin xem qua bộ Xạ điêu Anh hùng truyện và Võ lâm ngũ bá. Tổng cộng chừng một phần 5 của Xạ điêu Anh hùng truyện đề cập đến truyền tích và hành vi của năm ông võ sư thượng thặng của Trung Quốc trước thời nước Tàu bị Mông Cổ chiếm đóng. Đó là Bắc cái Hồng Thất công (Vua Ăn Xin), Tây độc Âu Dương Phong, Đông tà Hoàng Dược Sư, Nam đế Nhất Đăng đại sư, và Trung thần thông Vương Trùng Dương. Rõ ràng Võ lâm ngũ bá đại diện cho năm thức Ngũ hành. Bắc cái Hồng Thất công, ông vua ăn xin mặt

mây đen đúa ở phía Bắc (Bắc Cối) mạng THỦY, Tây độc Âu Dương Phong và cháu là Âu Dương Khắc đi từ BẠCH Đà sơn đến - chuyên môn ăn mặc đồ trắng, kể cả đoàn phụ nữ tùy tùng mặc áo quần màu trắng, mạng KIM. Đông tà Hoàng Dược Sư ở phía Đông ưa ở trong vườn đào thích mặc áo màu xanh, đích thị mạng MỘC. Nam Đế Nhất Đăng đại sư ở phía Nam mặc áo cà sa màu đỏ, với ngón nghề Nhất dương chỉ, đúng mang mạng HỎA. Trung Thần Thông Vương Trùng Dương có căn cứ ở miền Trung mang mạng THỔ. Kim Dung còn nhấn mạnh ở mạng Thổ của Trùng Dương bằng cách cho ông sư tổ phái Toàn Chân này chết giả chôn vào lòng đất mấy ngày - chờ Âu Dương Phong đến cạy hòm để ăn cắp Cửu Âm chân kinh - chợt tỉnh dậy thọc vào mặt họ Âu Dương một ngón Nhất Dương chỉ đau cho gần chết (!) cho Âu Dương tổn đến già. Võ lâm ngũ bá nói nôm na dùng để chỉ sự hài hoà của 5 nguyên tố của Ngũ hành. Bởi vậy để cân bằng sự hài hoà đó Kim Dung cho vào nhân vật Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông sau khi Vương Trùng Dương chết đi một thời gian. Châu Bá Thông là sư đệ hay lý lắc như con nít của Vương Trùng Dương, đặt ra để thay thế họ Vương trong mạng Thổ để đối phó cân bằng với bốn tay cao thủ hạng nhất kia. Ta để ý sự hài hoà ngũ hành đó rất ngộ nghĩnh như sau:

- + Đông tà mạng Mộc, có thể trị Thổ (Vương Trùng Dương) nếu đánh nhau gay gắt, nhưng Kim Dung cho Đông Tà có vẻ mến và thích Vương Trùng Dương nên ít khi chạm trán trực tiếp với họ Vương. Nhưng rõ ràng Mộc vẫn trị Thổ như thường qua việc Đông Tà khắc phục được và giam cầm Châu Bá Thông trên đảo đào hoa suốt 20 năm trời để bắt buộc họ Châu phải chép ra hay đọc ra Cửu Âm Chân Kinh cho Đông Tà!
- + Nam Đế mạng Hỏa trực tiếp có thể không chế mạng Kim của Tây Độc Âu Dương Phong. Thì đó Âu Dương Phong chỉ sợ có ngón Nhất Dương chỉ của người võ lâm ở phương Nam mà thôi (5).

+ Mạng Kim của Âu Dương Phong chính ra có thể thắng được Hoàng Dược Sư, mạng Mộc. Nhưng hình như giữa họ Âu Dương và họ Hoàng có tình nể nang đồng nghiệp (professional courtesy) với nhau. Đó là tình mến nhau nhường nhau giữa tên ăn cướp và bà già ăn trộm, nên họ lại ít đấu nhau cho chí tử.

+ Mạng Thủy của Hồng Thất công có thể trị được Nhất Dương chỉ của Đoàn Nam Đế (mạng Hoả). Nhưng không được họ lại cùng phe thiện và thương người như nhau!

+ Tương tự mạng Thổ của Vương Trùng Dương có thể chặn mạng Thủy của Hồng Thất công (Bắc Cối), nhưng không họ mến tài mến đức của nhau.

+ Âu Dương Phong mạng Kim và Hồng Thất công mạng Thủy không có khắc gì với nhau - nên không ai hạ được ai hết. Rốt cuộc trong một trận đấu cuối cùng trên núi tuyết trong truyện Thần Điêu Hiệp Lữ (nối tiếp Anh hùng xạ điêu) hai ông lão đấu nhau mấy ngày đêm rồi đều lăn đùng ra chết, trước chứng kiến của Dương Quá.

+ Hoàng Dược Sư mang mạng Mộc nên mang tính hiếu thắng. Ông ta mất vợ cũng chỉ vì kêu vợ cố nhớ lại rồi viết ra bản Cửu Âm Chân kinh học lóm được từ Chu Bá Thông. Có lẽ ông cũng mang chút ít mạng Thổ nên ông đã đòi hỏi trung thành của mọi người, nhất là đám đệ tử. Sau khi cặp học trò Trần Huyền Phong và Mai Siêu Phong ăn cắp quyển copy của Cửu Âm Chân Kinh trốn đi, Hoàng Đông Tà nổi giận cắt hết gân của những người học trò còn lại rồi đuổi đi hết.

Kim Dung đã cấu tạo cá tính nhân vật thật hay và Ngũ hành được đại diện rất đầy đủ, vững chắc trong Anh hùng xạ điêu. Sự cân bằng ngũ hành trong Võ lâm ngũ bá và Anh Hùng Xạ Điêu chính là cân bằng hài hoà trong một thế động, luôn luôn động. Người này khắc chế người kia xoay vòng cho giáp, để rồi rốt cuộc không hề có một người nào thật xuất chúng trỗi lên trên

cao. Thế Hoàng Dung và Quách Tĩnh mang mạng gì? Hoàng Dung nhỏ lớn sống ở Đào Hoa Đảo bên phía Đông. Hoàng Dung mang mạng Mộc như thân phụ Hoàng Dục Sur. Muốn cho độc giả thấy rõ Hoàng Dung mạng Mộc tiêu biểu bằng màu xanh, Kim Dung bày ra màn Hoàng Dung được Hồng Thất công truyền chức Bang Chủ Cái Bang và giao cho nàng cây gậy trúc màu XANH với bài quyền độc đáo Đả Cầu Bổng Pháp (bài quyền dùng gậy đánh chó của giới ăn xin). Cây gậy trúc màu xanh và bài quyền Đả cầu bổng được xem như ấn tín của Cái Bang. Ai có được hai thứ đó trong tay đều được bang chúng nhìn nhận là Bang Chủ. Chọn gậy trúc màu xanh thay vì màu thông thường là màu vàng Kim Dung khẳng định Hoàng Dung mang mạng Mộc. Thế nhưng tại sao Hồng Thất công mang gậy trúc màu xanh lại có mạng Thủy? Kim Dung trốn khỏi mâu thuẫn này dễ dàng bằng cách cho ngón võ nghệ chính yếu của Hồng Thất công là Hàng Long Thập Bát Chương, Long tức rồng liên hệ với nước, mạng Thủy. Trong khi đó Quách Tĩnh mang mạng Hoả - người gốc Hàng Châu, cũng có thể được tạm gọi phía Nam Trung Hoa (Hoa Nam) vì nằm phía Nam sông Dương Tử. Kim Dung lại muốn cho chắc chắn nên cài Quách Tĩnh làm đồ đệ của Giang NAM Thất Quái. Liên hệ mật thiết với Giang Nam Thất Quái, Quách Tĩnh có gốc gác phương Nam và mạng Hoả. Mộc sinh Hoả. Cây dễ bị bén lửa. Mộc Hoàng Dung dễ cảm mến và yêu Hoả Quách Tĩnh. Mộc sinh Hoả và giúp Hoả. Nhớ trong truyện có rất nhiều đoạn Hoàng Dung cầu cạnh các cao thủ khác, nhất là Hồng Thất công, truyền dạy võ nghệ thêm cho chàng khờ Quách Tĩnh. Nàng lo nấu những bữa ăn ngon cho Bắc Cái Hồng Thất công để ông vua ăn xin này truyền ngón Hàng Long Thập Bát chương cho Quách Tĩnh. Tình yêu giữa Hoàng Dung và Quách Tĩnh là thứ tình yêu lo và giúp chồng thành công. Nó khác với thứ tình yêu mến và khắc phục giữa Triệu Minh và Trương Vô Kỵ trong Cô Gái Đồ Long như đã nói ở trên. Và cũng

khác hẳn mối tình giữa Tiểu Long Nữ và Dương Qua trong Thần Điều Hiệp Lữ - cả hai đều cùng mạng Thổ, bởi sống và tập luyện võ với nhau dưới lòng đất nơi Cổ Mộ rất lâu năm. Ai nói Kim Dung không tuyệt chiêu trong việc tả tình yêu đôi lứa chắc phải suy nghĩ lại. Tiễn ở đây cũng ghi thêm Dương Khang có lẽ cũng mạng Hoả như Quách Tĩnh (cùng gốc Hàng Châu) nên trên đường giang hồ, trong một phút ghen tương sao đó vì nàng Mục Niệm Từ, Dương Khang đã lụi vào một cao thủ võ công giỏi hơn mình là Âu Dương Khắc thuộc mạng Kim một nhát dao đến mức cán. Ngoài ra Hoàng Dung mạng Mộc rất kị những người mạng Kim như Âu Dương Phong, Âu Dương Khắc và Thiết chương Thủy thượng phiêu Cừ Thiên Nhận. Có lần Hoàng Dung tính giỡn mặt với ông Thiết chương Cừ Thiên Nhận thứ thiệt vì lầm tưởng ông này là ông giả, bị ông này đập cho một chương như buá sắt đập (Thiết tức sắt, mạng Kim) đâm ra bệnh gần chết. Sau phải nhờ Đoàn Nam Đế (mạng Hoả, Hoả trị Kim) với ngón Nhất Dương Chỉ trị mới khỏi. Kim Dung đã viết thật hay và phô bày rất cặn kẽ về luật Ngũ hành trên ngót một ngàn trang sách cho Anh Hùng Xạ Điêu. Bố cục và sự giao động cũng như đấu chương tranh hùng giữa các cao thủ với nhau đều hoàn toàn nằm trong cơ sở lô-gích của thuyết Ngũ hành.

Thế còn những Đoàn Dự, Tiêu Phong, Mộ Dung Phục, Hư Trúc, và Du Thủ Chi cùng một lô các cao thủ khác trong Thiên Long Bát Bộ thì sao? Những Lệnh Hồ Xung, Nhâm Doanh Doanh, Nhâm Ngã Hành, Đông Phương Bất Bại, Nhạc Linh San, Thanh Phong đạo nhân, Điền Kế Quang, Nhạc Bất Quần, v.v... trong Tiểu Ngạo Giang Hồ, họ được chiếu theo các mạng nào trong Ngũ hành?

Người viết thú thật chỉ đọc được Thiên Long Bát Bộ và Tiểu Ngạo Giang Hồ có một lần - và xem phim tập Hongkong cũng chỉ một lần thôi. Chỉ nhớ được mơ hồ rằng Mộ Dung Phục tuy có gốc tổ tiên nước Yên (ở phía cực

Bắc) nhưng giấc mơ phục quốc của Mộ Dung vẫn mãi mãi một giấc mơ hảo huyền, nên Mộ Dung Phục dính liền với đất Giang Nam, mạng Hoả. Kim Dung nhấn mạnh thêm Bắc Kiều Phong Nam Mộ Dung, và cho Tiêu Phong thuộc người Khất Đan ở phía Bắc nước Trung Hoa. Mạng Thủy của Tiêu Phong khắc mạng Hoả của Mộ Dung Phục mặc dù rất nhiều đoạn Kim Dung mô tả võ nghệ của Mộ Dung Phục rất thần sầu quỷ khốc. Mỗi lần gặp Tiêu Phong ta để ý thấy Mộ Dung Phục có vẻ hơi ngán mặc dù lúc nào anh ta cũng đầy tự tin mình giỏi võ hơn người. Có lẽ dưới cơ Tiêu Phong chỉ vì cái "rơ" mà thôi. Cái rơ Ngũ hành! (6)

Phần quan sát thể ngũ hành của các nhân vật còn lại trong Thiên Long Bát Bộ và các cao thủ của Tiểu Ngạo Giang Hồ, nhân vì bài đã khá dài, người viết xin trân trọng nhường lại cho người đọc.

(5) Trong Xạ điêu Anh hùng truyện, Kim Dung có viết "Hoả phương nam khắc kim phương tây", nên Nhất dương chi của Nhất Đăng đại sư là khắc tinh với Cáp mô công của Tây độc). Nhất Tiểu thấy pháp danh của Nam đế là Nhất Đăng (một ngọn đèn???) quả là mệnh hoả thật.

(6) Theo ý của Nhất Tiểu thì Mộ Dung Phục dòng dõi người Hồ nước Yên, tức là ở phương Tây, mang mệnh Kim. Và trên thực tế người khắc chế Mộ Dung Phục không phải là Kiều Phong mà chính là Đoàn Dự, mang mệnh hoả phương Nam. Tại chùa Thiếu Lâm Đoàn Dự đã đả bại Mộ Dung Phục, và sau này cũng đã chinh phục được vị hôn thê của Mộ Dung Phục là Vương Ngữ Yên.

Thử đọc lại Kim Dung

Phần II

Nguồn Việt và KIM DUNG

Cách đây khoảng chừng 5 năm nhân một buổi trà dư tửu hậu tại nhà một người bạn - chủ khách chuyện trò lòng vòng rồi dẫn đến Kim Dung và các quyền tiểu thuyết kiếm hiệp lừng danh của ông. Một anh bạn (nếu không lầm, giáo sư Phạm ở New South Wales) chợt nhắc đến nhân vật Trần Hữu Lượng trong Cô gái Đồ long và nói anh vừa đọc được ở đâu đó có viết Trần Hữu Lượng là một người Việt. Người viết cố gắng moi óc với giúp đỡ của anh bạn đó mới nhớ rằng trong Cô Gái Đồ Long ấn bản đầu tiên của Kim Dung có một nhân vật tên Trần Hữu Lượng lớn tuổi hơn Trương Vô Kỵ một chút. Anh này xuất hiện lúc Trương Tam Phong dẫn Vô Kỵ lên Thiếu Lâm Tự để xin phép dùng Cửu Dương Chân Kinh chữa trị bệnh cho Vô Kỵ. Bệnh của Vô Kỵ có vẻ rất nan y vì Vô Kỵ đã bị một cú Huyền Minh thần chưởng từ một cao thủ Mông Cổ khi được thả lại tại chùa Võ Đang. Sau khi thử trị bệnh cho Vô Kỵ bằng nhiều cách theo kiến thức uyên bác của ông, Trương Tam Phong mới nghĩ rằng chỉ có Cửu Dương Chân Kinh mới có thể cứu Vô Kỵ khỏi cơn bệnh ngặt nghèo do thứ băng hàn chưởng kịch độc mang tên Huyền Minh thần chưởng gây nên. Khổ một nỗi Trương Tam Phong trong thuở thiếu thời chạy trốn khỏi chùa Thiếu Lâm với sư phụ Giác Viễn chỉ học được chừng phân nửa quyền Cửu Dương Chân Kinh do Giác Viễn trước khi

viên tịch đã đọc lại. Phần nửa kia hiện có ở chùa Thiếu Lâm. Bởi vậy mấy mươi năm sau khi cần phải thấu triệt hết Cửu Dương Chân Kinh hầu chữa trị bệnh cho Vô Kỵ, Trương Tam Phong, một cường môn phái Võ Đang đang lên, đã không quản ngại nhọc nhằn dẫn Vô Kỵ lên Thiếu Lâm Tự xin trao đổi kiến thức về Cửu Dương Chân Kinh của đôi bên để cả hai đều được trọn vẹn toàn bộ quyền kinh bí kiếp này. Nếu được vậy Trương Tam Phong sẽ dùng trọn bộ Cửu Dương Chân Kinh chữa trị cho cậu bé Trương Vô Kỵ. Đến chùa Thiếu Lâm sau khi trình bày mục đích từ bi cứu khổ của mình Trương Tam Phong được đưa đến gặp một thiếu niên đang ở trong chùa tên Trần Hữu Lượng. Hai bên dàn xếp sao đó để Trương Tam Phong đọc ra phần Cửu Dương Chân Kinh của mình trước và sau đó phe Thiếu Lâm sẽ đưa ra phần Cửu Dương Chân Kinh của họ sau. Trương Tam Phong tình thật đọc hết nửa phần của quyển Võ kinh bí kiếp ông còn nhớ cho Trần Hữu Lượng nghe. Sau khi đọc xong Trương lão nhân mới hỏi xin được lãnh giáo phần Cửu Dương của bên Thiếu Lâm. Trần Hữu Lượng thay mặt cho bên Thiếu Lâm đáp rằng tưởng gì lạ chứ những gì Trương Tam Phong vừa đọc Thiếu Lâm đã có sẵn rồi. Và gã thiếu niên họ Trần đọc lại cho Trương Tam Phong nghe vanh vách không sót một chữ những gì Trương Tam Phong vừa mới đọc ra. Như thế phe Thiếu Lâm đã lấy cớ rằng Trương không có gì để trao đổi nên không cho Trương phần Cửu Dương họ có và đuổi khéo Trương Tam Phong cùng Vô Kỵ ra khỏi chùa.

Đoạn Trần Hữu Lượng này của Cô Gái Đồ Long đã bị Kim Dung cắt xén bỏ hết trong bản nhuận sắc sau cùng hiện nay. Trần Hữu Lượng cũng như Trương Tam Phong, Chu Nguyên Chương, Quách Tĩnh, Khâu Xứ Cơ, ... là những nhân vật có thật trong lịch sử của Trung Quốc. Chu Nguyên Chương, Trần Hữu Lượng và Trương Sĩ Thành (không có trong truyện của Kim Dung) là ba lãnh tụ "sáng chói" nhất trong việc nổi dậy lật đổ nhà Nguyên

(Mông Cổ). Lực lượng Chu Nguyên Chương cuối cùng đã đánh đổ được nhà Nguyên, lập nên nhà Minh, và Chu Nguyên Chương lên ngôi lấy hiệu Minh Thái Tổ, một ông vua độc tài vào bậc nhất của Trung Quốc. Đời nhà Nguyên bên Tàu (1277-1367) kéo dài gần như song song với triều đại nhà Trần (1225-1400) ở Việt Nam, lúc đó còn gọi là An-Nam, một quốc hiệu được đặt ra từ đời nhà Tống bên Tàu. Nhà Nguyên và nhà Trần trước sau đã 3 lần "Hoa Sơn luận kiếm" với nhau và cả ba lần quân đội nhà Trần với quyền binh thư yếu lược của Trần Hưng Đạo đã đánh bại quân Mông Cổ và con cháu của Thiết Mộc Chân tức Thành Cát Tư Hãn - cha của Hoa Tranh công chúa, người đã có mối tình còn trẻ dại với Kim Dao phò mã (huyệt Quách Tĩnh trong Anh hùng xạ điêu của Kim Dung. (Tiếc rằng Việt Nam không có một Kim Dung để kiếm hiệp hoá Trần Hưng Đạo như Kim Dung đã kiếm hiệp hoá tướng Nhạc Phi đời Tống trong bộ Anh hùng xạ điêu). Đọc sử Việt của Trần Trọng Kim hay của Phạm Văn Sơn, ta để ý trong chiều dài của cuộc luận kiếm giữa nhà Trần với Mông Cổ nhà Nguyên, nhà Trần hàng năm phải gửi chừng năm ba nhân tài xứ An Nam (gồm những nhà "khoa học", y sĩ, khoa bảng hạng nhất) sang châu chực Nguyên Chủ và ngược lại nhà Nguyên cũng "bốc" một vài hoàng thân quốc thích xứ An Nam như Trần Di Ái và Trần Ích Tắc và một lô hầu cận sang bên đó được huấn luyện để sau này xử dụng họ vào những "lá bài" áp đặt làm vua (bù nhìn) cho nước Nam. Trần Hữu Lượng nếu có dòng máu Việt rất có thể là con của một trong những người này.

Họ Trần rất phổ thông ở miền Hoa Nam bên Tàu và họ Trần dường như chỉ di dân sang nước Nam một vài thế hệ trước khi Trần Thủ Độ chiếm ngôi nhà Lý và thiết lập nhà Trần. Ở Hongkong họ Trần gọi là Chan, ở Trung Hoa lục địa gọi Chen, ở Mã Lai gọi Tan, ở Indo Tanoko, v.v.. Việc họ Trần từ Tàu di cư sang nước An-Nam rồi về sau lãnh đạo nước Nam chống lại Tàu không

có gì lạ trong lịch sử Việt. Trước đó có Lý Bôn (hay Lý Bí) cũng gốc Tàu ở nước Nam được bảy đời vào giữa thế kỷ thứ 6 đã nổi lên đánh đuổi quân Tàu giành lại độc lập và dựng nên nhà Tiền Lý ngắn ngủi. Về sau Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ gốc họ Hồ có tổ tiên di cư sang nước Nam vào thế kỷ thứ 10 từ tỉnh Chiết Giang (quê hương của Kim Dung) bên Tàu cũng đã đánh nhà Mãn Thanh ở Bắc phương thua xiểng liểng.

Trở lại chuyện Trần Hữu Lượng, phản ứng thông thường của bất cứ ai nghe nói Trần Hữu Lượng có thể là một người "An-Nam" theo cha sang Tàu rồi ở luôn bên đó, về sau mưu đồ đại sự lật đổ nhà Nguyên, chắc sẽ cho rằng Kim Dung đúng thật một tác giả có đầu óc thương mại rất bén, vì muốn chiếm cảm tình của độc giả Việt Nam đang theo dõi những truyện kiếm hiệp của ông được dịch đăng báo hằng ngày ở Sài Gòn theo kiểu feuilleton, ông đã nhét vào đó nhân vật Trần Hữu Lượng thay vì Trương Sĩ Thành bởi Trần Hữu Lượng có liên hệ tới Việt Nam! Chắc chỉ thế thôi.

Nhưng nếu đọc lại Thiên Long Bát Bộ và Lục Mạch Thần Kiếm ta lại một lần nữa cảm thấy một cái gì hơi là lạ khi Kim Dung giới thiệu một nhân vật nữ mang họ Nguyễn tức Nguyễn Tinh Châu - người tình vắn số của Tiêu Phong (hay Kiều Phong) bang chủ của Cái Bang. Trong hai bộ truyện đó, ông hoàng đa tình của nước Đại Lý tên Đoàn Chính Thuần, trên danh nghĩa là cha của thái tử Đoàn Dự, có rất nhiều người tình, mỗi bà ông tặng một hai đứa con, thường thường con gái. Một trong những người tình đó mang họ Nguyễn và có hai người con gái, người chị mang tên Nguyễn Tinh Châu, tức A Châu, người em Nguyễn Tinh Tử tức A Tử. Nguyễn Tinh Châu và Tiêu Phong gặp nhau rồi yêu nhau. Trong khi đó Tiêu Phong điều tra ra thủ phạm giết cha mẹ mình năm xưa không ai khác hơn Đoàn Chính Thuần cha ruột của Tinh Châu. (Mãi về sau này Tiêu Phong mới biết rằng điều tra đó hoàn toàn sai). Để trả thù cho cái chết thảm khốc của cha mẹ Tiêu Phong hẹn

Đoàn Chính Thuần đến đấu Võ sống chết với nhau vào lúc giữa đêm. Nghe lên được, Nguyễn Tinh Châu vì mang nặng chữ hiếu với cha nên mặc áo giả dạng làm Đoàn Chính Thuần đến nơi hẹn. Tiêu Phong trong đêm tối nhìn thấy người tình muôn thuở Tinh Châu lại tưởng lầm là Đoàn Chính Thuần nên đánh cho một cú Hàng long Thập bát chưởng, món Võ bí truyền của các Bang chủ Cái bang (hội đoàn của những người khát thực ăn xin) làm cho Tinh Châu bị trọng thương và chết liền sau đó trong vòng tay thống khổ của Tiêu Phong. Trong suốt khoảng đời còn lại Tiêu Phong mang nặng nỗi sầu bi không thể nào giải toả được, và cưới mang người em gái của Tinh Châu là A Tử. A Tử đem lòng yêu Tiêu Phong nhưng khổ nỗi Tiêu Phong chỉ thương A Tử như người em. A Tử lại có một anh chàng khác say mê cuồng nhiệt tên Du Thản Chi có lúc đã dâng đôi mắt người xưa của mình tặng cho A Tử "ghép mắt" vì chợt bị mù không thấy đường. (Ở đây, Kim Dung có vẻ xạo hết chỗ nói chắc với ngụ ý đề cao y thuật Trung Quốc hồi xưa!!!). Và mối tình éo le ba chiều đó đã được Kim Dung kết thúc bằng một giải đáp không có hậu, một "unhappy ending" để lại cho người đọc bao ngậm ngùi thương tiếc.

Phải nhìn nhận trong hàng trăm pho truyện Tàu chỉ có bộ Thiên Long Bát Bộ nói riêng và một số tiểu thuyết của Kim Dung nói chung đã đề cập đến họ Nguyễn và nước Đại Lý mà thôi. Họ Nguyễn mặc dù cũng xuất xứ từ miền Hoa Nam bên Tàu nhưng ngày nay còn rất ít những người mang họ này ở bên Tàu. Ngược lại ở nước Việt họ Nguyễn được rầm rộ gia tăng sau khi Trần Thủ Độ cướp ngôi nhà Lý (1010-1225) và bắt ép những người mang họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn để thứ dân không còn nhớ đến triều đại nhà Lý xưa cũ nữa. Họ Nguyễn lại gia tăng dữ dội hơn nữa khi Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hoá năm 1558 khởi đầu cho mầm mống nhà Nguyễn sau này. Họ Nguyễn giờ đây chiếm đến khoảng 40 phần trăm của

các họ khác nhau của người Việt. Trong niên giám điện thoại ở các thành phố có đông người Việt định cư như ở Úc và Mỹ chẳng hạn - họ Nguyễn được sắp xếp theo thứ tự số đông có thể đứng từ hạng 5 đến hạng 10 rất dễ dàng. Thành ra nói tới họ Nguyễn trong thời đại hiện nay tức nói tới người Việt, Việt Nam. Kim Dung có ngụ ý gì chẳng khi ông phải dùng đến họ Nguyễn cho nhân vật Nguyễn Tinh Châu mà không dùng các họ khác như họ Đào, họ Lý, họ Tô, họ Hoàng, họ Tiết, họ Nhâm, họ Dịch và nhất là họ Phạm một họ có cả trong vùng Hoa Nam, nước An Nam và cả nước Lâm Ấp (hay Chiêm Thành) vào các thời xa xưa đó. Thêm vào đó trong ba bốn bộ truyện liên tiếp, Kim Dung ưa đưa vào đó những nhân vật thuộc nước Đại Lý như Đoàn Nam Đế tức Nhất Đăng Đại Sư trong Xạ Điều Anh Hùng truyện, Đoàn Chính Thuần, Đoàn Dự trong Lục Mạch Thần Kiếm và Thiên Long Bát Bộ, v.v. Nước Đại Lý đại khái nằm ở địa bàn của tỉnh Vân Nam (Yun-Nan) ngày nay. Tỉnh Vân Nam giáp giới với phía Tây Bắc ở mạn Lào Cai, Lai Châu của nước Việt Nam. Thời cổ đại khu Đại Lý có tên Điền Việt, có thể bao gồm hay giáp ranh với nước Tây Âu hay Âu Việt và nước Nam Cương của Thục Phán. Theo Trần Trọng Kim trong bộ Việt Nam Sử Lược, Thục Phán không thể xuất phát từ nước Tây Thục ở tận Tứ Xuyên xa xôi mà chỉ có thể từ một nước nhỏ nào đó trong khu vực Vân Nam ngày nay, hay vùng mang tên Đại Lý hồi cuối đời Nam Tống bên Tàu. Gần đây Taylor dẫn cứ tài liệu các sử gia Vietnam cho rằng Thục Phán xuất quân từ nước Nam Cương nằm ở khu Cao Bằng. Thục Phán đánh dứt điểm Hùng Vương của nước Văn Lang (tức Lạc Việt) rồi sát nhập Âu Việt và Lạc Việt thành một nước mang tên Âu Lạc, xưng hiệu An Dương Vương. Sau mấy cái màn đầu võ, nhất là ngón Nhất dương chỉ của mấy hoàng thân quốc thích nước Đại Lý trong truyện của Kim Dung, nước Đại Lý bị quân Mông cổ thôn tính vào năm 1253 trước khi tiến đánh nhà Trần. Tiếp theo, nhà Nguyên đã cho di

dân sang đó hơn 30000 quân lính và gia đình của họ cùng với một số người theo đạo Hồi ở vùng Tây Bắc. Chính sách đồng hoá này được tiếp diễn dưới triều đại nhà Minh vào năm 1381

Thử xem lại giả thiết đơn sơ rằng Kim Dung muốn thu hút thêm độc giả Việt Nam vào thời tiểu thuyết của ông đăng báo hằng ngày ở Saigon theo lối feuilleton bằng cách cho vào đó một số nhân vật hay bối cảnh có dính líu sơ sơ đến Việt Nam. Kim Dung đã viết [b]Ỗ thiên Đồ long ký vào năm 1961, Thiên Long Bát Bộ vào năm 1963, và tiểu thuyết kiếm hiệp ngắn cuối cùng của ông mang tên... VIỆT nữ kiếm vào năm 1976. Truyện Kim Dung bắt đầu đăng báo hằng ngày tại Sài Gòn vào khoảng 1962 và chỉ nổi như cồn vào khoảng 1964. Trước đó Kim Dung đã nổi tiếng tại Singapore, Hongkong, Đài Loan, và cộng đồng người Hoa ở Mỹ rồi. Tức là trong lúc ông viết đầu óc ông rất khó hướng về Việt Nam trong ý đồ thương mại nhỏ nhen đó.

Quyển truyện mang tựa Việt Nữ Kiếm đã rõ ràng chứa chấp từ "Việt" được viết vào năm 1976 sau khi giới độc giả Việt của ông đã không còn báo chí có feuilleton để đọc đã được 1 năm. Do đó yếu tố Việt hay yếu tố liên hệ đến Việt trong truyện Kim Dung trong lý do thương mại lấy lòng độc giả Việt phải được hoàn toàn gạt bỏ. Truyện Việt nữ kiếm nói về thứ "Việt" (hay "việc") gì mà Kim Dung đã chọn làm quyển truyện ngắn kiếm hiệp cuối cùng để đóng sổ sự nghiệp viết tiểu thuyết Võ hiệp kỳ tình lừng danh của ông? Việt Nữ kiếm chưa được in thành sách "bản cứng" tiếng Việt nhưng hiện có hai bản dịch, một tiếng Việt một tiếng Anh (hay tiếng Mỹ!), đăng trọn vẹn trên mạng internet võ hiệp "chùa" "vietkiem dot com" hay "come.to /kimdung. Truyện kể lại mối tình của tướng nước Việt tên Phạm Lãi và nàng mỹ nhân Tây Thi do vua Việt là Câu Tiễn đem dâng hiến cho vua nước Ngô tên Phù Sai để dùng mỹ nhân kế hầu làm suy yếu nội tình nước Ngô trước khi "tổng phản công" đánh chiếm nước Ngô để trả thù xưa. Trong truyện có

một cô gái chần dề học được kiếm pháp thần sầu quỷ khốc từ một con vượn trắng (Nhắc lại màu trắng là màu của mạng Kim như trong tên Kim Dung của thuyết Ngũ hành - xem phần 1). Việc xuất hiện của truyện "Việt" nữ kiếm, tác phẩm kiếm hiệp cuối cùng của Kim Dung, đã tăng thêm phần tin tưởng cho giả thiết rằng các yếu tố Việt như họ Nguyễn, nước Đại Lý, Trần Hữu Lượng trong các truyện trước của Kim Dung không phải là một việc tình cờ nhưng lại là một sự sắp đặt có lớp lang bày tỏ ít nhiều ẩn ý hay "tâm sự riêng mang tính chất Việt" của tác giả.

Sau đây ta thử cố gắng khảo sát và khai triển thêm để tìm hiểu về tâm sự mang "chất Việt" của Kim Dung bằng cách lướt qua lịch sử Trung Quốc và sử Việt cổ. Tâm tư mang chất Việt này của Kim Dung chỉ là một sợi chỉ nhỏ - nhưng nếu dùng kính lúp của lịch sử để soi tỏ cho rõ sợi chỉ liên hệ đến "Việt tính" này, có lẽ chúng ta sẽ có thể lĩnh hội được một hai điều ngộ ngộ hay hay về Kim Dung nói riêng và về giới trí thức người Hoa nói chung - đối với "Việt" và Việt Nam.

Nước Việt vào cuối thời Chiến Quốc là một nước nằm ở địa đầu của vùng Hoa Nam, ven biển, ở phía Nam sông Dương Tử. Nhìn bản đồ nước Trung Quốc ta thấy sông Dương Tử (còn gọi là Trường Giang) đại khái nằm ở vĩ tuyến thứ 30 và chia nước Tàu làm hai. Ở phía Nam sông Dương Tử người Hoa thường gọi Hoa Nam hay Giang Nam (như kiểu Giang Nam Thất quái, bảy vị sư phụ của Quách Tĩnh trong Anh hùng xạ điêu). Phần nửa của nước Tàu ở phía Bắc sông Dương Tử lại có thể chia ra thành 2 phần nữa bằng con sông nổi tiếng mang tên Hoàng Hà đại khái chạy uốn mình quanh co giữa khoảng vĩ tuyến 36 đến 38. Hoàng hà có nghĩa con sông màu vàng do ở màu nước phản ánh loại đất vàng do gió chuyên chở đến từ các sa mạc ở phía Tây nước Tàu. Đất màu vàng này tiếng Anh gọi là loess với độ dày ở mặt đất lên đến cỡ 300 thước tây. Bởi người Tàu thời cổ đại tập trung hai bên sông

Hoàng Hà họ chỉ thấy đất loess màu vàng mà thôi nên họ dùng màu vàng để chỉ Đất và mạng Thổ như phần 1 đã trình bày. Trung Quốc trong giai đoạn khai sinh cho tới thời Xuân Thu Chiến Quốc chỉ nằm quanh quần các nước ở phía Bắc sông Dương Tử và phía Nam sông Hoàng Hà - đặc biệt các vùng tập trung dân cư như Lạc Dương, Trường An, Tây An, An Dương đều nằm ở lưu vực của sông Hoàng Hà. Bình minh của văn minh Trung Quốc cũng lộ dạng nơi khu vực đó. Và sáu nước Tần Thủy Hoàng đã xoá khỏi bản đồ rồi thống nhất Trung Quốc, mang tên Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Tề, và Yên cũng chỉ nằm ở phía bắc sông Dương Tử mà thôi.

Ở phía Nam sông Dương Tử là một nhóm các bộ lạc có chủng tộc thuở khai thiên lập địa cho đến thời nhà Tần nhà Hán hơi khác với chủng tộc Tàu gốc phía Bắc sông Dương Tử. Người Trung Quốc thời xưa gọi nhóm người này Nam Man tức người còn man rợ ở phía Nam nước Tàu hồi xưa, tức phía Nam sông Dương Tử. Họ cũng gọi hàng trăm nhóm người này là Bách Việt tức một trăm thứ tộc Việt không phải Hán thuần túy. Lý do dễ hiểu khi người Hán tộc gốc gọi các tộc Việt ở phía nam sông Dương Tử Nam Man, chỉ vì thuở đó người Tàu phía Bắc sông Dương Tử đã thiết lập được xã hội văn minh với hàng trăm nhà khoa học và tư tưởng gia, đếm không hết: Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, v.v., nhà quân sự và "quân sư" - tức Cố vấn An ninh Quốc gia theo kiểu gọi bây giờ - như Tôn Tử, Trương Lương, Tô Tần, Trương Nghi, v.v. - trong khi ở phía Nam tuyệt nhiên không có nghe động dậy gì hết về những đóng góp thiết yếu kể trên cho một xã hội văn minh tiến bộ, không nghe đến một nhà tư tưởng nào hết, ngoại trừ "nổi tiếng" về nghề đánh cá canh nông và đàn ông ưa có tục xâm mình. Trong các nước Việt cổ này đáng kể nhất phải kể đến: nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn nằm ở ven biển khu vực thành phố Nam Kinh và Thượng Hải ngày nay ở ngay phía Nam sông Dương Tử; nước Mân Việt tức

khu vực tỉnh Phúc Kiến, ở phía nam của nước Việt của Câu Tiễn và Tây Thi, nước Tây Việt thuộc vùng Quảng Tây ngày nay, nước Đông Việt thuộc Quảng Đông ngày nay, Nam Việt xích xuống một chút, trước thời Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc, bao gồm khu vực bình nguyên của sông Tây Giang ở tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay.

Lân cận về phía Bắc nước Việt của Câu Tiễn là nước Ngô. Chuyện tranh chấp giữa nước Việt và nước Ngô là một chuyện dài như chuyện Hoa Sơn luận kiếm. Vào cuối thời Xuân Thu, vua nước Ngô là Hạp Lư dùng Ngũ Tử Tư, một tướng di dân từ Sở qua, đánh bại nước Sở, nhưng sau đánh với nước Việt bị thương rồi chết. Con cháu của Hạp Lư là Ngô Phù Sai trả thù cho Hạp Lư đánh nước Việt và bắt được Câu Tiễn đem về cầm tù, bắt coi ngựa trên dưới 10 năm. Câu Tiễn có tướng giỏi Phạm Lãi giúp bày mưu đem cống hiến mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai để Phù Sai xao lãng việc nước. Câu Tiễn chịu nhục nếm phân Phù Sai lúc Phù Sai bị bệnh nên được thả về và sau đó chiêu mộ binh hùng tướng mạnh đánh tiêu nước Ngô tạo nên uy thế vang lừng vào thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên. Phạm Lãi, có lẽ nhìn bài học Hàn Tín và Trương Lương *, sau đó rút lui về ở ẩn. Có giả thuyết nói họ Phạm khi rút lui đã cõng ngựa với người đẹp Tây Thi đi về phía mặt trời lặn, theo kiểu phim cao-bồi Western của Hollywood (!), giống như sau này, trong truyện của Kim Dung, Trương Vô Kỵ đã giả từ vũ khí, lảng lạng từ chức giáo chủ Minh giáo để trở về với nếp sống một phó thường dân ngày ngày lo chải tóc cho Triệu Minh.

Việt Vương Câu Tiễn thừa thắng xông lên đánh tiếp về phương Bắc và hùng cứ một cõi bờ rộng lớn bên cửa sông Dương Tử chảy ra biển Hoàng Hải của Thái Bình Dương. Ở phía Tây nước Việt là nước Sở lúc đó cũng rất hùng cường nhưng hơi thô bạo dã man. Thừa cơ nước Việt mỗi ngày một suy yếu sau khi Câu Tiễn qua đời nước Sở đem quân sang dứt điểm nước Việt vào

năm 334 trước Công Nguyên (TCN) rồi thôn tính luôn nước Lỗ của Khổng Tử vào năm 249 TCN. Sau cùng nước Tần thôn tính luôn nước Sở (năm 221 T.C.N.) cùng với các nước khác ở miền Bắc sông Dương Tử và thống nhất được nước Tàu. Một số dân chúng nước Việt sau khi bị Sở thô bạo qua chiếm đóng chịu không nổi mới di tản về phía Bắc sông Dương Tử dọc theo bờ biển, và về phía Nam, định cư lại ở vùng Mân Việt tức tỉnh Phúc Kiến ngày nay. Mân Việt tồn tại sau đó không lâu và chính thức bị nhà Hán (tiếp nối nhà Tần) sát nhập và thôn tính vào một nước Tàu mở rộng, năm 110 TCN. Có thể nói nước Tàu dưới thời nhà Hán đã hoàn toàn xâm chiếm các nước thuộc bộ tộc Việt ở phía Nam sông Dương Tử cũng vào khoảng năm đó khi tướng Hán, Lộ Bác Đức đánh bại tướng Lữ Gia của nước Nam Việt do Triệu Đà sáng lập khi Triệu Đà dứt điểm Thục Phán (câu chuyện truyền kỳ Trọng Thủy Mị Châu) và sát nhập nước Âu Lạc của Thục Phán với phần miền Nam của Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay.

Một điểm đáng chú ý trong sự đồng hoá các nhóm "Nam man" ở phía nam sông Dương Tử bởi Hán tộc trong suốt 2000 năm qua nằm ở chung quanh vấn đề danh xưng, tên gọi một hai bộ tộc lớn của các nhóm Bách Việt này. Nếu độc giả có dịp sang Tàu ngay ở thời bây giờ, vào một tiệm ăn ở miệt Thượng Hải hay Bắc Kinh, và hỏi hay nhờ người hướng dẫn du lịch hỏi chủ tiệm bằng tiếng quan thoại, ở tiệm có thức ăn Việt (Việt thái, yuế tsái) hay không. Khi chủ tiệm trả lời có hoặc không, chủ tiệm có ý muốn nói Việt-thái đó là thức ăn Quảng Đông! Tương tự khi người Tàu nói Yue ju (Việt kịch) họ muốn chỉ ca kịch cổ truyền kiểu Quảng Đông so với Jing ju (Kinh kịch) để chỉ kịch nghệ Bắc kinh. Thậm chí đôi khi người Hoa lục dùng Việt ngữ (yuế yu) để chỉ tiếng Quảng Đông. Từ Việt trong tên Việt Nam (Yuế nản) cũng phát âm y hệt Yuế như Yuế (Việt) dùng để chỉ tỉnh Quảng Đông.

* Chỗ này sai, vì Phạm Lãi sống ở thời Xuân Thu, trước Trương Lương và

Hàn Tín, nên không thể nhìn tấm gương của hai người kia được.

Tuy nhiên chữ "Nho" để chỉ Việt trong Việt Nam có nghĩa Vượt qua, quá độ (như trong "siêu việt), bao gồm bộ "tẩu" có nghĩa đông, chạy, đi, "di tản, kẹp với một từ "qua" với nghĩa cái giáo mác, hay cây thương, hoặc cái xiên dùng để đánh trăn ngày xưa hay để săn thú đầm cá, và một cái móc nho nhỏ ở giữa! Đó là Việt (vượt) trong Việt Nam. Ý nghĩa tượng hình của từ "Việt" do đó chỉ một giống người chuyên môn vượt đồng vượt núi (hay vượt biên để di tản) và sống bằng nghề chần thú đánh cá. Việt để chỉ tỉnh Quảng Đông gồm 2 phần, phần trên có dạng giống như lá cờ Anh Quốc với bốn gạch chéo, tức từ Mễ có nghĩa Hột Gạo (!) và phần dưới gồm một cái móc có hình dạng giống như lưỡi rìu, lưỡi cày, chỉ loại người Việt chuyên làm ruộng để sinh sống. Từ Việt (Yué) trong nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn cũng như Việt trong Mân Việt (Mĩn Yué) ở tỉnh Phúc Kiến cũng đều được viết y như Việt của Việt Nam (Yue Nan). Chỉ có Việt của Quảng Đông khác với 2 thứ Việt ở hai phía bắc và nam của Quảng Đông. Việt kiểu Quảng Đông viết khác đi với 2 thứ Việt có lẽ bắt nguồn từ cái nhìn rất chủ quan của người Tàu thời cổ đại. Đó là họ biết rằng người Việt của Câu Tiễn ở phía mạn trên sinh sống bằng nghề săn thú và đánh cá - còn người Việt ở mạn Quảng Đông (trừ Việt Nam) sinh sống chính bằng canh nông và làm ruộng(!). Họ loại trừ Việt Nam ra khỏi từ Yué có cái móc lưỡi rìu (của Quảng Đông) mà lại gán Việt Nam vào nhóm từ Yué có cái giáo cây thương (của Việt loại Câu Tiễn) tức họ đã không hiểu hay đã vì mặc cảm tự tôn cổ tình không hiểu, như khoa sử học và khảo cổ học hiện đại đã tìm ra, rằng nước Văn Lang của Hùng Vương, tức nền văn minh Đông Sơn ở miền Bắc nước Việt Nam hiện nay có thể đã biết làm ruộng trồng lúa nước trước người Hán tộc ở Trung Quốc khá lâu (về điểm người Văn Lang biết làm ruộng trước người Hán, xin xem "The Birth of Vietnam - Buổi chào đời của nước Việt Nam" của Keith Weller

Taylor do nhà University of California Press xuất bản, 1983). Lý do thứ hai khả dĩ dùng để giải thích việc dùng từ Việt có cái rìu để chặn nút Việt Nam ra khỏi nước Tàu có thể được giải thích qua việc nhà Hán tức bực và cay cú về vụ Triệu Đà xưng đế ở Nam Việt ngang hàng với Hán Đế ở Bắc phương. Hay vào thời nhà Lý nước Nam có tướng Lý Thường Kiệt bình Chiêm phạt Tống lắm le đòi Tàu trả lại nước Nam lương Quảng mà nhà Lý cho rằng Tàu đã "chôm" của nước Nam Việt ngày xưa. Sau này vào thời Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ cũng vậy, nhưng rủi đang tính đòi lại Lương Quảng thì Quang Trung bị bệnh qua đời. Đến đời nhà Nguyễn, theo rất nhiều sử sách, phái đoàn đại diện triều Nguyễn do Binh Bộ Thượng Thư Lê Quang Định dẫn đầu sang Tàu (nhà Mãn Thanh) vào năm 1803 xin xỏ nhà Thanh được đổi lại quốc hiệu Nam Việt thay cho tên nước Đại Việt đã được Lê Lợi đặt ra sau khi đánh đuổi nhà Minh ra khỏi xứ Nam (năm 1428), Thanh triều từ chối tên Nam Việt - chắc còn nhớ mối loạn Triệu Đà ngót hai ngàn năm trước - và chỉ thuận với tên Việt Nam. Năm sinh của quốc hiệu Việt Nam chính là năm 1803.

Bây giờ xin trở lại với Kim Dung và xin đặt hai câu hỏi mấu chốt: Thứ nhất, với lý do thâm kín gì Kim Dung lại chọn Việt Nữ Kiếm làm tên quyền truyện kiếm hiệp cuối cùng của mình? Thứ hai, Nếu Việt trong Việt Nữ Kiếm có nhiều cơ sở luận lý, những liên chỉ đến thứ Việt khác như Việt Nam trong vài truyện hay nhất của Kim Dung - mặc dù hơi bàng bạc như một sợi chỉ nhỏ, như Trần Hữu Lượng, Nguyễn Tinh Châu, nước Đại Lý - đã mang một thông điệp hay một tâm sự nho nhỏ gì của Kim Dung?

Trả lời câu hỏi thứ nhất, ta thử xem Kim Dung thật sự sinh trưởng ở đâu? Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung, sinh tại thành phố Hải Ninh thuộc tỉnh Chiết Giang (hay Triết Giang). Chiết Giang nằm ở phía Nam sông Dương Tử bao gồm những thành phố lớn như Hàng Châu, Tô Châu và

Thượng Hải (trong khi Nam Kinh thuộc tỉnh An Huy lân cận với Chiết Giang). Chiết Giang đích thị tương đương với phạm trù địa bàn nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn cách đây hơn hai ngàn năm. Ta để ý kết cuộc của Ý Thiên Đồ Long ký với Trương Vô Kỵ từ bỏ chức vụ "tổng tư lệnh" của quân kháng chiến chống Mông Cổ thuộc cánh Ma giáo để vui cảnh sống ẩn dật với Triệu Minh cũng giống y hệt như việc từ giả vinh hoa phú quý của tướng Phạm Lãi, giả từ Việt Vương Câu Tiễn ở cuối thời Chiến Quốc tại nước Việt, tức tỉnh Chiết Giang bây giờ của Kim Dung. Vậy có vẻ rất rõ Kim Dung muốn bày tỏ cội nguồn của mình (hậu duệ của Câu Tiễn hay của Phạm Lãi!), một người Hán có gốc Việt hùng cường của nước Việt Câu Tiễn trong quyển truyện cuối cùng Việt Nữ Kiếm. Từ khám phá này ta có thể dựng lên vô số các giả thiết về tâm sự Việt tính của Kim Dung trong một số tiểu thuyết nổi danh nhất của ông. Có thêm hai điểm nổi bật cần phải để ý khi lập dựng các giả thiết chung quanh tâm sự mang chất Việt của Kim Dung. Thứ nhất, nhân vật Mộ Dung Công Tử trong Thiên Long Bát Bộ. Mộ Dung Công Tử tức Mộ Dung Phục có tổ tiên người hoàng tộc nước Tiên Ty (tức Đại Yên). Trong truyện, Kim Dung cho Mộ Dung Phục mang giấc mơ hảo huyền phục quốc lại nước Tiên Ty (để trở về đó "làm vua"). Tìm đủ mọi cách để chiêu mộ binh sĩ không xong Mộ Dung Phục mới nghĩ đến chuyện lấy cho được một nàng công chúa nước họ để anh trở thành phò mã rồi lợi dụng binh lính sẵn có của nhà vợ đem về bắc khôi phục lại nước Tiên Ty. Giấc mơ đó trở thành mây khói khi công chúa không chọn Mộ Dung Phục mà lại chọn ông thầy tu Thiếu Lâm đã cởi áo cà sa tên Hư Trúc người nước Tây Hạ, anh em kết nghĩa với Đoàn Dự và Tiêu Phong. Phục quốc không được Mộ Dung công tử đâm ra khùng khùng điên điên vào lúc kết cục pho truyện Thiên Long Bát Bộ. Vậy điểm thứ nhất có thể suy diễn cho vui vui, Kim Dung xác nhận ông không bao giờ có giấc mơ thấy chuyện hảo huyền

phục quốc nước Việt của Câu Tiễn ở cái thời xa xưa. Nhất là phục quốc để mình về đó làm vua!. Thứ hai, nhân vật Nguyễn Tinh Châu tức A Châu. A Châu xuất thân từ vùng Giang Nam, dĩ nhiên dưới mắt Kim Dung tất cả đều đã trở thành Hán tộc, đã thốt lên một câu nhân vụ giới giang hồ bắt đầu kỳ thị và "bề hội đồng" Tiêu Phong, sau khi khám phá ra Tiêu Phong mang dòng máu Khất Đan, đại khái rằng: "Làm người Trung Quốc chưa chắc đã là tốt và làm người Khất Đan chưa chắc đã là xấu". Điểm thứ hai do đó có thể liên chỉ đến niềm hãnh diện sâu xa của các sắc tộc xa xưa của miền Hoa Nam sau vài thế kỷ đã trở thành Hán tộc. Một niềm tự hào của người Hán tộc thật sự không kể đến gốc gác.

Kim Dung có tâm sự gì nữa không khi ông liên tiếp cho vào các tiểu thuyết nổi danh nhất của ông những nhân vật và bối cảnh liên hệ gần gũi với nước Việt Nam? Nói cách khác trong đầu của Kim Dung có những hiểu biết gì về liên hệ dân tộc của người Việt Nam với người Việt Câu Tiễn? Câu trả lời giản đơn là CÓ. Đó là sự hiểu biết truyền tụng qua ngàn đời trong sách vở và dân gian ở Trung Quốc rằng dân Việt Nam đã là 1 trong các nhóm Việt tộc ở phía nam sông Dương Tử và sau này trước khi bị nhà Hán đô hộ đã đón nhận và cho "thẻ xanh" vô số dân "tị nạn" kéo nhau xuống định cư từ nước Việt Câu Tiễn hoặc nước Mân Việt (Có lẽ bởi vậy người Tàu cổ đại đã dùng từ Việt có cây giáo dùng để chỉ chung cho người Việt Nam, người Việt Câu Tiễn và người Mân Việt?).

Một trong những học giả nổi tiếng về sử học và nhân chủng học Việt Nam vào "thời tiền chiến" Leonard Aurousseau, dựa trên sách vở của mấy sử gia Tàu từ thời cổ đại, đưa ra giả thuyết rằng giai cấp lãnh đạo của nước Việt Câu Tiễn sau khi bị quân nước Sở xâm chiếm vào năm 333 TCN đã di tản sang các miền lân cận như Mân Việt rồi chạy tuốt xuống miền Bắc đất Việt Nam ngày nay. Taylor gọi giả thuyết này một giả thuyết chết yểu bởi có rất

nhiều chống đối chỉ trích kịch liệt từ những học giả khác như Maspero và Madrolle. Madrolle gạt bỏ thuyết này và cho rằng thuyết này không đề ý đến đoạn đường dài đầy chông gai hiểm trở từ nước Việt- Câu Tiễn đến Văn Lang trong khoảng cuối thời đại Hùng Vương, nếu không kể đến việc gặp sự chống đối của dân địa phương của nước Mân Việt, hay nhiều sắc tộc khác trên đường di tản "chiến lược" đó. Madrolle sau đó âm ức tung ra lý thuyết của riêng mình cho rằng có lẽ người Lạc Việt cổ xuất phát từ Phúc Kiến và đến xứ Văn Lang bằng đường biển như là những thuyền nhân đầu tiên! Theo Taylor, Madrolle đã dựa vào một số cơ sở mơ hồ, và so sánh họ của một số bộ tộc ở Mân Việt (Phúc Kiến) với họ của người Việt cổ ở Lạc Việt để đi đến giả thuyết này. Tuy nhiên Taylor lại đưa ra một dẫn chứng lịch sử khác cho rằng một đám người thuộc giai cấp lãnh đạo của một nước vừa bị thôn tính đang trên đường đào tẩu có thể đến một nước khác "làm cha" người ta như thường và sau đó đổi tên nước mới di cư đến thành tên nước cũ của mình! Taylor viện dẫn thí dụ dân Croats gốc Iran và dân Serbs đã sang cai trị giống người Slavic ở bán đảo Balkan (khu Hy Lạp) vào thế kỷ thứ 7. Từ dẫn chứng thí dụ này Taylor trở lại cho rằng không thể hoàn toàn bác bỏ thuyết của Aourousseau!

Sợ chỉ nối liên hệ Việt của Câu Tiễn với Việt ở Việt Nam nếu có trong tiểu thuyết Kim Dung chắc chắn dựa phần lớn vào thuyết của Aourousseau và chính nó lại dựa vào sử sách của người Trung Hoa. Theo thiên ý ta có thể trả lại giả thuyết của Aourousseau cho lớp bụi của dòng thời gian che lấp, và tạm chối bỏ những lý thuyết cho rằng người Lạc Việt thời Hùng Vương có gốc là người Việt Câu Tiễn, người Sở (ở miền Động Đình Hồ, và phía trên), người Mân Việt (Phúc Kiến) - khi những sắc dân này đã "di tản chiến lược" sang miền nước Văn Lang rồi lập ra nước đó, khi bóng tối hãy còn bao trùm khoa sử học - bởi những lý do sau đây:

+ Lý do thứ nhất: Những gì xảy ra ở nước Ngô, nước Việt-Câu Tiễn, nước Sở vào cuối thời Chiến Quốc bên Tàu hoàn toàn vắng bóng trong kho tàng truyện cổ tích, thần thoại và truyền thuyết của dân gian bên nước Văn Lang hay Âu Lạc hoặc Nam Việt! Thử hỏi nếu Việt Nam có liên hệ chút đỉnh gì với Việt-Câu Tiễn thì với một nước sản xuất một mỹ nhân như Tây Thi đã làm "ngiên thành đổ nước" cho nước Ngô, chắc chắn tiền nhân Việt Nam sẽ hãnh diện thuộc nằm lòng chuyện đó rồi truyền tụng cho con cháu từ đời này sang đời khác. Nước Văn Lang hay Âu Lạc nếu có nhận những người di tản như con cháu của Câu Tiễn hay Phạm Lãi rồi cho họ "thẻ xanh" thường trú sẽ rất lấy làm hãnh diện và chắc không bao giờ quên nhét nó vào kho tàng các truyện truyền kỳ của dân tộc mình. Truyền tích đầu tiên của dân Việt, chuyện bà Âu Cơ lấy Lạc Long Quân đẻ con trăm trứng, cũng có chút cơ sở qua việc Thục Phán thống nhất hai nước Âu Việt và Lạc Việt rồi đặt tên Âu Lạc vào cuối thế kỷ 3 TCN. Những truyền tích quan trọng sau đó như Phù Đổng Thiên Vương tức Thánh Gióng, lớn lên như thổi chống giặc bắc phương, Trọng Thủy My Châu - với chiếc nỏ thần một bí mật quân sự của Thục Phán bị Triệu Đà ăn cắp được nhờ con Trọng Thủy dụ được vợ My Châu (con Thục Phán) trao cho, đều có thể xác nhận với những chứng tích lịch sử ở ngay tại địa bàn nước Văn Lang xưa hay Bắc Bộ ngày nay. Có hai điểm cần lưu ý. Điểm thứ nhất nước Việt của Câu Tiễn bị quân nước Sở xâm chiếm vào năm 333 TCN tức là trước thời Thục Phán sát nhập nước Âu với nước Lạc (năm 208 TCN) trên 100 năm. Nếu dân Việt Câu Tiễn có di tản xuống Văn Lang thì họ phải di tản trong thế hệ 100 năm đó. Và chắc chắn sẽ có thêm cổ tích Tây Thi do dân "Việt mới" đem sang, nằm ở phía trước truyện Trọng Thủy My Châu! Điểm thứ hai, theo nhiều học giả truyện Thánh Gióng có thể tìm thấy trong các cộng đồng dân tộc ở miền thượng du Bắc bộ, như người Mường, và ngay cả tại đảo Java thuộc nước In-Đô (Nam

Dương) ngày nay! Người ta cũng đã tìm thấy một truyện rất giống chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh dâng nước dâng núi, ở một dân tộc tại phía bắc Borneo cũng ở In-Đô. Chuyện Nhất Dạ Trạch cũng tìm thấy bản sao ở tận nước Phù Nam ngày xưa nằm ở Nam Bộ Việt Nam hiện nay (xem Taylor). Ngược lại không học giả nào tìm thấy truyền thuyết Tây Thi và Phạm Lãi hay giống giống một chút, từ phía nam khu Quảng Đông, Quảng Tây kéo sang Văn Lang rồi xuống tận các đảo phía Nam.

+ Lý do thứ hai: Các đền thờ hay di tích lịch sử như đền thờ An Dương Vương Thục Phán, đền thờ Thánh Gióng, thành Cổ Loa của Thục Phán đều nằm trọn trong địa phận Việt Nam. Ở núi Mộ Dạ tỉnh Nghệ An có đền thờ An Dương Vương. Đền thờ thánh Gióng có ở làng Phù Đồng tỉnh Bắc ninh. Thành Cổ Loa nằm ở huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên. Và tuyệt nhiên không có di tích lịch sử cổ nào của Văn Lang hay Âu Lạc nằm ở nước Sở tận miệt Động Đình Hồ hay bên tỉnh Chiết Giang của Kim Dung tức nước Việt cũ của Câu Tiễn hết. Ngay như tại thành phố Quảng Châu ngày nay, tức thành Phiên Ngung kinh đô nước Nam Việt ngày xưa, còn có đền thờ Triệu Đà chứ không có cái nào để tưởng niệm Câu Tiễn cả.

+ Lý do thứ ba: Có ít nhất hai lần trong lịch sử Việt Nam về sau, những nhà lãnh đạo phía Việt Nam đánh được quân Bắc phương lại thừa thắng xông lên đòi hỏi triều đình Trung Hoa phải trả lại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây họ cho là Trung Hoa đã "chôm" từ nước Nam Việt do Triệu Đà sáng lập sau khi đánh thắng Thục Phán. Đó là Lý Thường Kiệt thời nhà Lý đòi chọi với nhà Tống và Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đánh quân nhà Mãn Thanh. Điểm rõ ràng, hai nhà quân sự lỗi lạc này chỉ đòi đất tới Quảng Đông Quảng Tây và không hề có tham vọng quá trớn đòi tới Động Đình Hồ hay sát bên phía nam sông Dương Tử như nước Việt cũ của Câu Tiễn, bởi hơn ai hết họ biết rõ ranh giới phía bắc của địa bàn dân Âu Lạc hay Nam Việt chỉ đến

khoảng phía nam của Lưỡng Quảng mà thôi.

+ Lý do thứ tư: Tổ chức và cơ cấu chính trị của nước Văn Lang hay Âu Lạc hoặc Nam Việt vẫn không thay đổi cho đến hết đời nhà Triệu khi quân Hán đem quân xâm chiếm Nam Việt vào năm 111 trước Công Nguyên. Chế độ chính trị thời Hùng Vương vẫn là một vấn đề từng được bàn cãi sôi nổi giữa các sử gia nghiên cứu về Việt Nam. Nhìn sơ đó là một chế độ gồm Lạc Vương (tức Hùng Vương) với sự phụ tá của các Lạc Hầu, Lạc Tướng và phương tiện kinh tế sinh sống là Lạc điền (ruộng) và Lạc dân. Nhiều sử gia gọi đó là nền quân chủ thế tập hay quân chủ quân sự. Xã hội đã ra khỏi thời kỳ thị tộc tức tập hợp những người cùng trong họ trong gia đình lớn với nhau, và đang ở thời kỳ bộ tộc. Khi Thục Phán dứt điểm Hùng Vương thành lập nước Âu Lạc vào khoảng cuối thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên, sách sử chép rõ, Thục Phán vẫn giữ vững hệ thống Lạc Hầu Lạc Tướng của nước Văn Lang cũ. Đến thời Triệu Đà dứt điểm Thục Phán nhờ chiếm được chiếc nỏ thần lập ra nước Nam Việt lớn hơn, Triệu Đà tiếp tục giao cho các "đại biểu" của mình cai trị Giao Chỉ và Cửu Chân (tức Bắc bộ và bắc Trung bộ ngày nay, hay nước Văn Lang cũ) theo kiểu Lạc hầu Lạc tướng như xưa - còn Triệu Đà ngồi ở "trung ương" là thành Phiên Ngung lo cai trị phần Nam Việt bên Lưỡng Quảng. Trong thời Xuân thu Chiến quốc ở phía bắc sông Dương Tử, vài trăm năm trước Công Nguyên, thể chế chính trị của Tàu hay các nước như Sở, Ngô, Việt đã là chế độ quân chủ phong kiến (phong điền kiến địa, cho ruộng cấp đất (7)). Ta thấy Ngô Phù Sai đã có cả một triều đình và các cung tần mỹ nữ bao chung quanh (trong khi ta không hề nghe đến vụ này đối với Hùng Vương). Các nước lớn mạnh đều có các nước nhỏ chư hầu bắt nguồn từ việc phong điền kiến địa của kiểu quân chủ đó. Do đó ta xác định rằng tất cả những người thuộc giai cấp lãnh đạo, hay ngay cả thứ dân có hiểu biết, của nước Việt Câu Tiễn, hay Sở, đều đã thấm nhuần lễ lối tổ chức

chính trị của quân chủ phong kiến. Ta cũng biết rõ rằng, người di tản sang một quốc gia mới thường mang theo cả thói xấu và tính hay của xã hội cũ của mình. Như vậy nếu mấy người Việt từ Sở, hay Việt-Câu Tiễn, hay ngay cả Mân Việt sang Văn Lang hay Âu Lạc trước thời Triệu Đà, và đi với số đông hay đến với giai cấp lãnh đạo tàn quân, chắc chắn họ sẽ "quậy" cái nước Văn Lang và biến nó sang chế độ quân chủ phong kiến từ khuya rồi. Sau đó khi Triệu Đà chiếm Âu Lạc Triệu Đà chỉ việc áp dụng nền quân chủ phong kiến cho nước Nam Việt (VIỆT, tiếng Hoa gọi là Yué, Mường gọi Yít, tiếng Việt thế kỷ 17 chắc hẳn là Yiệt) suốt từ nam chí bắc! Thực tế cho thấy Triệu Đà vẫn tiếp tục giữ thể chế Lạc Hầu - Lạc Tướng của thời Hùng Vương như xưa.

+ Lý do thứ năm: Ở xã hội Văn Lang địa vị người phụ nữ rất cao, có khi còn cao hơn ở thời đại thế kỷ 21 này, và chắc chắn cao hơn địa vị người phụ nữ ở nước Việt của Câu Tiễn! Văn Lang lúc đó là một xã hội vừa từ chế độ mẫu hệ bước sang phụ hệ. Nước Nam là nước sản xuất đầu tiên trên thế giới các nhà lãnh đạo chính trị quân sự thuộc phái nữ, như hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, bà Triệu Thị Trinh (mà người Hán gọi xỏ lá là bà Triệu Âu tức mụ Triệu) trước Võ Tắc Thiên bên Tàu cả mấy trăm năm! Trong thời đại Hùng Vương, tại nước Việt-Câu Tiễn đã có cái màn dùng mỹ nhân kế đưa Tây Thi sang cống hiến Ngô Phù Sai để làm suy giảm tiềm năng "quân sự" của Phù Sai và nước Ngô. Nếu người Việt từ phương bắc đã di dân sang và giúp hay lập ra nước Văn Lang, chắc chắn họ nhanh chóng truyền lại đòn mỹ nhân kế này vào xã hội Văn Lang hay Âu Lạc từ lâu. Phải nói dân Văn Lang, Âu Lạc, Nam Việt, hay Giao Chi có vẻ vẫn chưa thấm nhuần việc áp dụng loại "độc chương" này của Bắc phương trong suốt ngàn năm đô hộ. Và mãi cho đến đời nhà Trần sau khi chống trả sức ép của quân Mông Cổ, vua Trần Anh Tông mới bắt đầu áp dụng thứ độc chương mà người Việt (đọc theo kiểu cổ:

Bdiệt, như người Nhật bây giờ hãy còn gọi Vietnam là Beto-namu) đã học được ở người Hán tộc qua việc gả Huyền Trân Công Chúa cho vua Chăm là Chế Mân để bắt đầu mở mang bờ cõi nước Nam.

Thay lời kết: Những ai có đọc "Thử đọc lại Kim Dung I hẳn sẽ để ý ở cuối bài người viết có ghi "Đón đọc: Thử Đọc lại Kim Dung II". Ghi chú đó dùng để ràng buộc người viết phải chịu khó ngồi xuống viết nên bài này. Nguồn cảm hứng viết phần 1 là một bức bội lâu năm được giải toả - qua thuyết Ngũ hành và khám phá Cây đao Đồ Long màu đen chỉ mạng Thủy là mạng Chu Chi Nhược khắc chế được mạng Hoả của Trương Vô Kỵ. Cảm hứng viết phần 2 này bắt nguồn từ việc biết được quê hương của Kim Dung là tỉnh Chiết Giang có phạm trù rất gần giống với nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn và nàng Tây Thi năm xưa.

Chắc chắn sẽ không có "Thử đọc lại Kim Dung III"!!!

Thử đọc lại Kim Dung

Phần III

Tiểu ngạo giang hồ

Sau khi viết xong "Thử Đọc lại Kim Dung II: Nguồn Việt và Kim Dung", người viết cảm thấy nhàm nên định gác bút, hay ít ra cũng tạm giả từ đề tài về truyện chương với Kim Dung. Nhiều bạn hữu - đa số trên 30 năm không gặp lại nhau - vội biên điện thư email đến tại hạ khuyến khích viết thêm về Kim Dung. Một ông bạn ở Montréal (Canada) đã gửi tặng lược đồ về Ngũ

hành, kèm trong bài này, và nhấn nhủ trong thư nếu viết về Kim Dung có viết đến hằng chục bài cũng không hết, nhất là những đề tài liên quan đến tình yêu, đến nhân sinh quan, đến những tình tiết éo le, v.v. đại gì mà ngưng viết. Cứ viết tiếp đi, ít ra ngoài người kiểm duyệt trong nhà còn có 1 độc giả trung thành là ông bạn đó. Sự thật, thuở tuổi học trò tại hạ chỉ được đọc vài truyện chính yếu và nòng cốt của Kim Dung thôi. Tuyệt đối ngày trước chưa có cơ hội đọc Tuyết Sơn Phi Hồ, Tiểu Ngạo Giang Hồ và Lộc Đỉnh Ký. Tiểu Ngạo Giang Hồ ấn bản do Hàn Giang Nhận dịch thuật, được dịp đọc lần đầu tiên cách đây chừng 5 năm, rồi sau đó xem luôn phim tập HongKong. Riêng Lộc Đỉnh Ký, mặc dù nghe giới giang hồ đồn rằng rất hay và được biết truyện hiện được đăng trên một vài mạng ở internet như come.to/kimdung hoặc come.to/lunxit nhưng tại hạ không đủ sức bỏ giờ này qua giờ kia để ngồi đọc truyện này trên khung hình computer, nên đành phải hẹn lần hẹn hoi. Ấu đó cũng là một cái hẹn cho một dịp nào đó của tương lai.

Băng đi cũng gần 12 tháng. Gần đây một người bà con ở Việt Nam gửi người thân đem sang một bộ truyện Tiểu Ngạo Giang Hồ ấn bản mới nhất do Vũ Đức Sao Biển, Trần Hải Linh và Lê Thị Anh Đào chuyển ngữ, nhà xuất bản Văn Học, trọn bộ 8 quyển, phát hành vào năm 2001. Ấn bản mới này có sự đồng tình cho phép đăng hoàng của Kim Dung (tức Louis Cha hay Tra Lương Dung), và dựa vào bản nhuận sắc sau này của Kim Dung với nhiều sửa chữa và thay đổi. Theo lời người bà con đó qua điện thư, Sài Gòn lại đang trải qua cơn ghiền Kim Dung như 35 năm về trước và nhấn với tại hạ nên nhin chút ít thì giờ đọc qua cho biết.

Điểm đáng để ý trước tiên, trong vòng mười, hai mươi năm trở lại đây, một loạt các dịch giả mới bắt đầu xuất hiện trên chốn giang hồ. Đa số các cao thủ dịch thuật này, thường xuất thân từ các trường đại học Văn Khoa ban Hán Văn, mang chủ yếu rõ rệt xử dụng lối hành văn mới mẻ với nhiều tính chất

Việt ngữ hơn. Một số kẻ nghiệp các bậc tiền bối như Nguyễn Chánh Sắt, Tô Chấn, v.v. thay phiên nhau dịch lại các pho truyện cổ điển như Hồng Lô Mộng, Tam Quốc Chí, Thủy Hử, v.v. và một số khác theo chân những cao thủ năm xưa như Từ Khánh Phụng, Hàn Giang Nhạn, chuyển ngữ lại các truyện chương của Kim Dung. Trên các mạng internet và các báo ở hải ngoại có Nguyễn Duy Chính hiện đã chuyển ngữ Ý thiên Đồ long ký, Thiên Long Bát Bộ, v.v. và tại Việt Nam đứng đầu phải kể đến Vũ Đức Sao Biển người đã hết sức ca tụng Kim Dung qua 3 quyển mang tựa " Kim Dung giữa đời tôi ", xuất bản vào những năm cuối thập kỷ 90 vừa qua. Thế rồi vô hình chung tại hạ bắt đầu đọc lại Tiểu Ngạo Giang Hồ ấn bản mới nhất do ê-kíp Vũ Đức Sao Biển chuyển ngữ. Và trong lúc đọc lại Kim Dung kỳ này, tình cờ lại khám phá thêm một vài bí-kíp ngộ ngộ hay hay của Kim Dung nên đành phải phá lệ cố gắng viết thêm bài này.

Theo Vũ Đức Sao Biển, Tiểu Ngạo Giang Hồ là tác phẩm độc đáo nhất của Kim Dung bởi nó "lặng lẽ dắt người đọc đi vào cuộc hành trình tìm về những suối nguồn tư tưởng của phương Đông khi lên cao chín ngàn dặm, nương mây cõi gió mà bay như Trang Tử đã viết trong Nam Hoa Kinh. Tiểu Ngạo Giang Hồ có cái u uẩn, trầm mặc đầy suy niệm của những ngôi chùa, những đạo quan, những rừng tùng bách, bóng trắng sáng trên Trường Giang, cơn mưa tuyết mùa Đông trên Ngọc Nữ phong. Xuyên suốt tác phẩm là tiếng đàn, tiếng sáo của khúc Tiểu Ngạo Giang Hồ, tiếng ca buồn của Mạc Đại tiên sinh trong khúc Tiêu Tương dạ vũ....

... Hai trong ba nguồn tư tưởng triết học lớn của phương Đông - Phật giáo và Lão giáo - đã được Kim Dung hình tượng hoá và cụ thể hoá qua những hình tượng văn học. Phương Chứng đại sư của chùa Thiếu Lâm là con người tiêu biểu của tư duy Thiền Tông Phật giáo. Với một căn bản võ công trác tuyệt, một cái tâm từ bi, nhà sư gàn như đã góp phần hoá giải những hận thù, chia

rẽ, sân si. Định Nhân, Định Dật của phái Hằng Sơn là một dạng Phật giáo khác, một Phật giáo nhập thể và nhập thế....

... Nhưng điểm đặc sắc nhất vẫn là tư duy Lão-Trang qua đường Độc Cô cửu kiếm. Phong Thanh Dương đã dạy cho Lệnh Hồ Xung dĩ vô chiêu thắng hữu chiêu...."

Tiểu Ngạo Giang Hồ (TNGH) là tên của một nhạc khúc viết cho đàn thất huyền cầm và sáo. Hai tác giả của bản nhạc khúc bất hủ này lại là hai cao thủ của hai kiếm phái đối nghịch với nhau: Lưu Chính Phong thuộc Ngũ Nhạc kiếm phái (một nghiệp đoàn liên minh năm kiếm phái: Hằng Sơn, Hoa Sơn, Tung Sơn, Thái Sơn và Hành Sơn) và Khúc Dương thuộc phe Ma Giáo. Việc kết giao bằng hữu giữa hai người bị cả hai phe lên án và cuối cùng Lưu và Khúc bị bức tử. Trước khi chết hai vị cao thủ này trân trọng gửi gắm quyền nhạc khúc này lại cho anh chàng lãng tử mê nhậu nhẹt Lệnh Hồ Xung, đệ tử thứ nhất của Nhạc Bất Quần chương môn phái Hoa Sơn. Truyện TNGH bắt đầu với việc Nhạc Bất Quần sai con gái mình Nhạc Linh San và đệ tử thứ hai Lao Đức Nặc đến miền Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến để dò la tin tức của phái Thanh Thành do Dư Thương Hải lãnh đạo xuống đánh phá Phước Oai Tiêu Cục để chiếm quyền kiểm pháp độc nhất vô nhị mang tên Tịch Tà Kiếm Phổ. Phe Hoa Sơn đến trễ nên bọn Thanh Thành đã làm tiêu tan Phước Oai Tiêu Cục. Điểm kinh ngạc đầu tiên, Lâm Chấn Nam hậu bối của chủ nhân Tịch Tà kiếm phổ lại không thông thạo mấy về Tịch Tà kiếm nên ông và phu nhân bị thăm sát bởi phe Thanh Thành. Nhưng chưa phe nào lấy được Tịch Tà kiếm phổ bởi nó được giấu kín ở một ngôi nhà tự của họ Lâm ở Phúc Kiến. Trước khi chết Lâm Chấn Nam trời trần với chàng lãng tử nghĩa hiệp Lệnh Hồ Xung về chỗ cất dấu quyền kiếm phổ đó và nhờ Lệnh Hồ Xung nói lại với con trai Lâm Bình Chi rằng nên lấy giữ quyền kiếm phổ đó nhưng đừng bao giờ luyện tập bởi nó rất nguy hiểm. Trước đó Lệnh Hồ

Xung đã bị thương nặng sau khi liều thân đánh với một tên dân tộc Điền Bá Quang để cứu ni cô Nghi Lâm thuộc kiếm phái Hằng Sơn. Nhạc Bất Quần (biệt hiệu Quân Tử Kiếm) gặp lại đệ tử Lệnh Hồ Xung rồi thu nhận Lâm Bình Chi làm đệ tử.

Trở về núi Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần bắt lỗi Lệnh Hồ Xung đã vi phạm một vài giới cấm của phái võ của mình - trong đó có việc dẫn ni cô Nghi Lâm vào động làng chơi ôm ấp nàng Nghi Lâm để trốn tránh Điền Bá Quang và các phe phái khác đang truy tầm - nên phạt chàng lên núi gần đó quay mặt vào vách thạch động để sám hối trong vòng 1 năm. Lệnh Hồ Xung tuân lệnh lên núi, và ngày ngày có Nhạc Linh San hoặc một đệ tử khác mang giỏ chứa đồ ăn đến cho. Lệnh Hồ Xung có cảm tình nồng thắm với Nhạc Linh San và ngược lại Linh San cũng thương Hồ Xung. Tuy nhiên Linh San có một đàn em mới thường tập kiếm với nhau là Lâm Bình Chi nên càng ngày càng ít mang đồ ăn lên cho Lệnh Hồ Xung. Ở trên núi Lệnh Hồ Xung tình cờ khám phá ra một thạch động hoang phế lâu năm trên vách có ghi khắc tất cả những loại kiếm pháp của năm kiếm phái thuộc hội đoàn Ngũ Nhạc, và những chiêu hoá giải. Bởi nơi đây đã từng chứng kiến một trận đấu sát phạt kinh hồn giữa các cao thủ của năm kiếm phái đó với những kiếm khách thuộc Ma Giáo. Cũng trong thời gian ở trên núi Lệnh Hồ Xung may mắn gặp được lão tiên bối Phong Thanh Dương tuyệt tích giang hồ đã nhiều năm. Phong Thanh Dương chính là sư thúc (vai chú) của Nhạc Bất Quần, thầy của Lệnh Hồ Xung. Năm xưa phái Hoa Sơn đã bị phân hoá do sự tranh chấp giữa hai phe Kiếm Tông và Khí Tông. Nhạc Bất Quần thuộc Khí tông và sư thúc Phong Thanh Dương thuộc Kiếm tông. Cảm mến Lệnh Hồ Xung, Phong Thanh Dương đem hết Độc Cô cửu kiếm ra truyền lại cho chàng. Độc Cô cửu kiếm là tác phẩm của người kiếm khách vô địch thời xa xưa không bao giờ bị bại, mang biệt danh Độc Cô Cầu Bại.

Ở trên núi được vài tháng Lệnh Hồ Xung phải trở về giảng đường để hỗ trợ sư phụ Bất Quần do ở lệnh từ trung ương đòi cách chức chương môn Nhạc Bất Quần. Trung ương ở đây là chương môn phái Tung Sơn Tả Lãnh Thiền - "chủ tịch" của hội đoàn Ngũ Nhạc Kiếm Phái - một người có nhiều tham vọng triệt tiêu hết bốn phe kiếm phái kia và thống nhất tất cả lại thành một phái duy nhất để ông làm Chương Môn. Nhạc Bất Quần thấy tình hình không ổn nên dẫn hết đồ đệ đi lưu vong, dò thám tình hình, và nhất là lên Tung Sơn để hỏi Tả Lãnh Thiền cho ra lẽ. Dọc đường Lệnh Hồ Xung bị nội thương rất nặng không còn sống sót bao lâu. Tình cờ chàng gặp một thiếu nữ diễm kiều Nhậm Doanh Doanh con gái giáo chủ bị đảo chánh của Ma giáo Nhậm Ngã Hành. Lúc gặp Hồ Xung, Doanh Doanh đang lên bỏ Ma Giáo đi tham quan giang hồ cho vui nên hoá trang thành một lão bà. Doanh Doanh lại đàn rất hay. Tình sư đệ giữa Hồ Xung và Bất Quần trong khi đó căng thẳng trầm trọng bởi Bất Quần nghi Hồ Xung học thêm kiếm pháp ở đâu đó và cũng đã ăn cắp quyển sách luyện nội công bí kíp của ông. Thành ra rốt cuộc Hồ Xung bị lạc ra khỏi phái đoàn của Nhạc Bất Quần. Sau đó Hồ Xung gặp lại Doanh Doanh. Hai người lưu lạc với nhau rồi Hồ Xung bệnh nặng ngã ra bất tỉnh. Doanh Doanh cõng Hồ Xung lên núi Thiếu Lâm giao mạng mình cho Phương Chứng đại sư giam giữ. Để đổi lại, Phương Chứng sẽ dùng Dịch Cân Kinh của Thiếu Lâm trị bệnh cho Hồ Xung. Khi tỉnh dậy Hồ Xung không biết việc Doanh Doanh trao đổi mạng cứu mình nên từ chối sự giúp đỡ của Phương Chứng viện lẽ mình là cao đồ của phái Hoa Sơn nên thà chết chứ không thể trở thành đệ tử Thiếu Lâm nhận truyền thụ Dịch Cân Kinh. Lệnh Hồ Xung lại khẳng khái ra đi và dọc đường dùng Độc Cô cửu kiếm cứu được một trong những nhà lãnh đạo thuộc phe bị đảo chánh của Ma Giáo Hưởng Vân Thiên. Hưởng Vân Thiên biết Hồ Xung là tay kiếm khách vô địch mới gài cho Hồ Xung đến Hàng Châu giải cứu cho giáo chủ

bị đảo chánh Nhậm Ngã Hành bị giam trong lòng đất dưới Tây Hồ. Trong lúc cứu Nhậm Ngã Hành, Lệnh Hồ Xung vô tình học được một phần Hấp Tinh đại pháp của Nhậm Ngã Hành nên tạm thời khỏi bệnh và thu hồi được nội lực. Nhậm Ngã Hành sau khi thoát nạn ngờ ý mời Lệnh Hồ Xung gia nhập Ma giáo và nếu chàng ưng thuận lão sẽ chỉ hết Hấp Tinh đại pháp, chứ nếu không phần chàng học được sẽ gây biến chứng tai hại về sau. Lệnh Hồ Xung từ chối bỏ đi rồi sau lại thống lãnh quần hùng lên Thiếu Lâm tự cứu giải Nhậm Doanh Doanh. Trong thời gian đó phái Hằng Sơn của những nữ sư Định Dật, Định Nhân bị phái Tung Sơn triệt hạ mãnh liệt - và cuối cùng Hồ Xung khám phá ra hai vị sư phụ này bị một cao thủ nào đó đánh cho tử vong trong cách rất kỳ bí. Trước khi chết hai vị ni cô này yêu cầu Lệnh Hồ Xung làm chủ môn phái Hằng Sơn và tìm cách trả thù cho họ.

Hồ Xung không biết rằng chính sư phụ Nhạc Bất Quần đã dùng những loại võ công lão học được từ Tịch Tà kiếm phổ của dòng họ Lâm ở Phúc Kiến để giết đi hai ni cô của phái Hằng Sơn, tía bớt một kiếm phái lợi hại. Chính Bất Quần đã ăn cắp được Tịch Tà kiếm phổ nhưng mọi người, nhất là Lâm Bình Chi, đều nghi ngờ Lệnh Hồ Xung đã giữ quyền Tịch Tà kiếm phổ. Tịch Tà kiếm có thể nói là một loại kiếm pháp thần sầu quỷ khốc nhất nhì thiên hạ nhưng người sử dụng nó phải tự thiến đi bộ phận sinh dục của mình để dần dà, theo Kim Dung, trở thành ái nam ái nữ (gay hoặc transvestite). Một bản khác của Tịch Tà kiếm phổ đã lọt vào tay Đông Phương Bất Bại thường được xem đệ nhất cao thủ, người đã đảo chánh lật đổ Nhậm Ngã Hành trước đây 10 năm để lên ngôi giáo chủ Ma Giáo. Lâm Bình Chi về sau cũng ăn cắp được bản chính của Tịch Tà từ Nhạc Bất Quần và cũng phải tự thiến mình để luyện tập hầu trả được mối thù cho song thân. Khác với Lệnh Hồ Xung, Lâm Bình Chi sớm thấy được bộ mặt quỷ quân tử của Nhạc Bất Quần nên sợ lão biết mình cũng thiến như lão, phải giả vờ mình còn gin và cưới Nhạc

Linh San để che mắt thiên hạ. Bất Quần trong khi đó chép ra một bản giả bày mưu tìm cách cho lọt vào tay lãnh tụ Tung Sơn Tả Lãnh Thiên để lão này học sai đường bước của kiếm pháp, nhằm lọt vào tròng của Bất Quần. Lệnh Hồ Xung gặp lại Doanh Doanh rồi cùng Nhậm Ngã Hành, Hương Vân Thiên lên bản doanh của Ma Giáo hợp sức lại giết được giáo chủ Pê Đê Đông Phương Bất Bại, người có võ nghệ thần sầu quỷ khốc, và phục hồi địa vị giáo chủ Ma giáo cho Nhậm Ngã Hành. Nhậm Ngã Hành lại mời Lệnh Hồ Xung gia nhập và làm phó thủ lãnh nhưng Lệnh lại khước từ, trở về Hằng Sơn. Sau đó không lâu Tả Lãnh Thiên tụ tập quần hùng tại Tung Sơn với đề nghị sát nhập hết năm kiếm phái của Ngũ Nhạc lại làm một và tôn lão làm chương môn. Nhạc Bất Quần gài được cái mìn đầu kiếm với Tả Lãnh Thiên để tranh chức minh chủ của phái Ngũ Nhạc thống nhất. Tả Lãnh Thiên mặc dù kiếm pháp siêu phàm nhưng bị mắc hóm Nhạc Bất Quần đem Tịch Tà giả ra xử dụng nên cuối cùng bị Nhạc Bất Quần dùng Tịch Tà thứ thiệt và kim châm đâm mù hai con mắt. Nhạc Bất Quần lên ngôi Chương Môn Ngũ Nhạc thống nhất.

Tiếp đó Lâm Bình Chi tung ra Tịch Tà kiếm pháp gia truyền của dòng họ mình giết chết kẻ thù Dư Thanh Hải nhưng bị tai nạn mù hai con mắt. Sở Nhạc Bất Quần phát hiện rằng mình cũng bị thiên như ai cho mục đích cao cả của Tịch Tà kiếm pháp, Bình Chi giết vợ Linh San trong vòng tay đầy nước mắt của Lệnh Hồ Xung rồi chạy sang hợp tác với Tả Lãnh Thiên. Sau đó Nhạc Bất Quần đụng độ với Lệnh Hồ Xung nhưng Kim Dung cho Tịch Tà Kiếm pháp vẫn phải thua Độc Cô cửu kiếm, và Bất Quần bị đại bại với đệ tử cũ của mình. Bình Chi cầu kết với Lãnh Thiên, hai hiệp sĩ mù bất đắc dĩ, gài Bất Quần và Hồ Xung vào một động tối đen để hạ độc thủ nhưng Lãnh Thiên bị Hồ Xung giết và Bình Chi bị chặt tay chặt chân. Còn Bất Quần trong lúc sơ ý bị ni cô Nghi Lâm vô tình đâm vào lưng chết, vô hình

chung trả thù được cho hai vị sư phụ Định Dật, Định Nhân của phái Hằng Sơn.

Thu phục được ngôi vị giáo chủ Ma giáo, Nhậm Ngã Hành đe dọa sẽ thôn tính luôn Ngũ Nhạc thống nhất rồi tới Thiếu Lâm và Võ Đang. Trong lúc quần hùng chuẩn bị đối phó, Phương Chứng lên Hằng Sơn truyền Dịch Cân Kinh chữa bệnh hoàn toàn cho Lệnh Hồ Xung nói dối rằng cách này do Phong Thanh Dương chỉ cho đại sư nhờ đại sư truyền lại cho Hồ Xung.

Cũng trong lúc căng thẳng đó, Nhậm Ngã Hành bị xuất huyết não cười ha hả rồi chết. Doanh Doanh để tang cha 3 năm rồi tái hợp với Hồ Xung dạy tiếp cho Hồ Xung cách thổi sáo để rồi cả hai cùng cỡi ngựa về phía mặt trời lặn, kẻ khảy đàn người thổi sáo, hợp tấu nhạc khúc Tiểu Ngạo Giang Hồ.

Phải nhìn nhận Tiểu Ngạo Giang Hồ có nhiều tính tiết rất éo le, ly kỳ và sôi động. Cũng hơi khác thường so với nhiều truyện khác của Kim Dung, TNGH gần như hoàn toàn không có cấu trúc dùng bối cảnh lịch sử theo kiểu chống Mông Cổ như Anh hùng xạ điêu, Thần Điêu Hiệp Lữ, Y thiên Đồ long ký, v.v. Trái lại, TNGH đã trở về với đường hướng của các tiểu thuyết kiếm hiệp thời tiền-Kim Dung (như Lã Mai Nương, Ngọa Hổ Tàng Long) bằng cách đặt trọng tâm câu chuyện chung quanh hoạt động của các tiêu cục (8) tức security guards nếu gọi nôm na theo kiểu bây giờ. Đó là câu chuyện của Tịch Tà Kiếm phổ, ngón kiếm pháp gia truyền dòng họ Lâm chủ nhân mấy đời của Phước Oai Tiêu Cục ở Phúc Kiến. Đề tài dựa vào sinh hoạt của các tiêu cục là bối cảnh chính yếu của trên khoảng 60% các truyện kiếm hiệp Tàu hoặc các phim kung-fu của Hongkong. Bối cảnh chính thứ hai để dựng nên truyện Tàu thường dựa vào tính cách dã sử, bài Mông chống Thanh, và liên quan ít nhiều đến Thiếu Lâm Tự, theo kiểu Càn Long hạ Giang Nam, hoặc Thiếu Lâm Trường Hận,... .. Ta để ý thoát đầu Kim Dung cũng tính tạo cho mình một đường hướng riêng trong Võ lâm ngũ bá và Xạ Điêu Anh

Hùng truyện, bằng cách không đá động gì đến Thiếu Lâm Tự. Kim Dung đã tiện tay tạo ra năm người có võ công tuyệt trác: Vương Trùng Dương, Hồng Thất công, Âu Dương Phong, Đoàn Nam Đế và Hoàng Dược Sư. Năm người này hoàn toàn có những ngón võ độc lập, và tiêu biểu cho thể xung khắc của thuyết ngũ hành. Người này hạ được người kia, luân chuyển nhau trong một vòng tròn ngũ hành, để rồi rốt cuộc không ai có thể trở nên vô địch hết. Sang đến Y Thiên Đồ Long ký, vì phải có chuyện quận chúa Mông Cổ Triệu Minh phải lòng giáo chủ Trương Vô Kỵ, Kim Dung bắt buộc phải gài Thiếu Lâm Tự, Võ Đang Tự trở vào câu chuyện mới ra vẻ lịch sử. Nào là hai phái Nga Mi và Võ Đang cũng có cội nguồn với Thiếu Lâm qua việc hai người sáng lập Quách Tương và Trương Tam Phong trong lúc chạy trốn sự tập nã của phe Thiếu Lâm đã lắng tai nghe trộm Cửu Dương Chân Kinh do nhà sư Giác Viễn trước khi lâm tịch đọc lại. Kết cuộc câu chuyện cũng xảy ra tại chùa Thiếu Lâm trong trận đấu kinh hồn giữa Trương Vô Kỵ cùng người tình năm xưa Chu Chỉ Nhược với ba vị Hoà Thượng của Chùa. Trở lại với chùa Thiếu Lâm, rồi trở lại với bối cảnh Tiêu Cự trong các truyện về sau, như trong TNGH, Kim Dung đã mặc nhiên thừa nhận rằng chính ông cũng không thể vượt ra khỏi khuôn khổ một truyền thống lâu đời của loại tiểu thuyết Tàu đã mọc rễ lâu năm trong tâm thức người đọc. Theo truyền thống đó, các hoạt động tranh hùng xưng bá trong giới kiếm hiệp thường xảy ra chung quanh hành trình của các Tiêu Cự với dịch vụ chính yếu bảo đảm an ninh của việc chuyên chở hàng hoá từ miền này đến miền kia. Nói rộng hơn một chút, một nhà văn dù có tài năng siêu việt cách mấy đi nữa, rất khó tạo dựng nên một truyền thống mới hay biến đổi một cái gì đã trở thành truyền thống lâu đời.

So sánh với các truyện chương khác của Kim Dung, TNGH cũng có vẻ mang nhiều chất bạo động chém giết, và "violent" hơn. Điển hình trong Anh

hùng xạ điều ta thấy chỉ có 1 cái chết trong lúc đầu câu chuyện: cái chết của thân phụ của Quách Tĩnh bị bọn Hoàn Nhan Hồng Liệt thảm hại. Đến giữa chuyện cái chết của Trần Huyền Phong chồng của Mai Siêu Phong, rồi gần cuối truyện cái chết của 6 vị sư phụ của Quách Tĩnh thuộc nhóm Giang Nam thất quái do Âu Dương Phong gây ra nhưng cái cho mọi người tưởng lầm là do Hoàng Dược Sư, nhạc phụ tương lai của Quách Tĩnh. Nhưng cái chết của 6 vị sư phụ này không có mô tả mà chỉ được Quách Tĩnh phát hiện sau khi trở lại Đào Hoa đảo. Tuyệt nhiên nhân vật chính Quách Tĩnh, cũng như Trương Vô Kỵ trong Cô Gái Đồ Long, không thấy chém giết ai hết. TNGH lại khác, từ đầu đến cuối truyện độc giả thấy chém giết tung bừng. Bắt đầu câu chuyện ta thấy Lâm Bình Chi đâm chết con trai cưng của Dư Thanh Hải chỉ vì người này chọc ghẹo Nhạc Linh San đang giả làm gái bán rượu. Kế đó bọn Dư Thanh Hải kéo xuống tàn sát cả Phước Oai Tiêu Cục của gia đình Lâm Chấn Nam (cha của Lâm Bình Chi). Xong rồi tại lễ từ giả giang hồ của Lưu Chính Phong, toàn thể gia đình này bị bọn Phỉ Bân thuộc phe Tung Sơn đến giết sạch trước sự chứng kiến của quần hùng. Chỉ vì Lưu Chính Phong kết bạn tâm giao tri kỷ với Khúc Dương thuộc phe Ma giáo bởi hai người say mê hoà tấu bản Tiểu Ngạo Giang Hồ với nhau. Mãn bạo động nhất của TNGH có lẽ chuyện 6 anh em Đào Cốc Lục Tiên võ nghệ cao siêu chuyên môn nắm hai tay hai chân bất kỳ đối thủ nào và xé xác ra làm 4 mảnh. Ngay cả bà vợ của Nhạc Bất Quần cũng kinh hoàng vì suýt nữa cũng bị xé xác. Lệnh Hồ Xung mặc dù là người hào hiệp đầy thiện tính cũng dùng mưu đâm chết một đệ tử của phái Thanh Thành ở đầu câu chuyện. Xong rồi anh ta đâm mù mắt chừng mười mấy người thuộc phái Tung Sơn. Chặt tay chặt chân Lâm Bình Chi chỉ do ở Linh San đã trời trăn xin đừng giết Bình Chi. Đâm luôn Tả Lãnh Thiên, mặc dù Lãnh Thiên đã bị mù, v.v.. Người yêu sau cùng của Hồ Xung là Doanh Doanh cũng vậy. Cô này lúc chưa hoàn thiện ai

chọc giận cô ấy thì bị uống thuốc độc mỗi năm đúng ngày đúng tháng phải đến lạy lục cô ấy mới được thuốc giải. Nếu cô ta tức giận hơn nữa, cô ra lệnh bảo người chọc cô phải tự xẻo tai xẻo mũi, người đó cũng phải làm. Khác hẳn với Hoàng Dung trong Anh hùng xạ điêu hay ngay cả Triệu Minh quân chúa hoặc Chu Chỉ Nhược trong Cô Gái Đồ Long. Ta để ý một điểm khác biệt giữa Lệnh Hồ Xung với các nhân vật trước của Kim Dung như Quách Tĩnh, Trương Vô Kỵ, hoặc Dương Qua. Lệnh Hồ Xung có vẻ khôn ngoan lém lỉnh hơn mấy nhân vật kia nhiều. Tiếng Mỹ gọi Hồ Xung street-wise, tức khôn ở ngoài đường ngoài chợ, hay nôm na theo tiếng Việt, tiền sĩ chợ trời. Có phải vì nhân vật Hồ Xung có nhiều bản lĩnh chợ trời nên Kim Dung cho anh ta xem thường việc chém giết người khác hay chẳng? Hoặc giả Kim Dung bắt đầu chạy theo một thời đại của phim ảnh Âu Mỹ lúc đó bắt đầu chuyển sang loại bạo động? Tuy nhiên những cảnh bạo động đó Kim Dung tả qua thật nhanh để làm người đọc không để ý đến.

Một nhà văn dù có tài năng siêu việt cách mấy đi nữa, rất khó tạo dựng nên một truyền thống mới hay biến đổi một cái gì đã trở thành truyền thống lâu đời.

Đối với những người ghiền xem xinê thời thập niên 50, TNGH đã cho thấy ít nhiều ảnh hưởng của Alfred Hitchcock, ông vua làm phim kinh dị còn giữ nhiều dấu ấn trong phim ảnh cho đến ngày hôm nay. Một trong những đặc điểm chính của phim Hitchcock là cấu tạo một người dân bình thường rồi lôi kéo vai chính đó vào một vụ án mạng hay xì-căn-đan rùng rợn, đổ vào nhân vật đó một sự tình nghi của nhà chức trách. Từ đầu cho đến cuối phim do đó nhân vật chính sẽ bị săn đuổi chạy trốn chết bởi hai phe, chức trách cũng như tội phạm, để rồi cuối phim nổi hăm oan sẽ được giải toả đem lại cho người xem một anti-climax, một kết cuộc có hậu, một happy ending. Trong phim The Wrong Man (Bắt lầm Thủ phạm), Henry Fonda thủ vai một nhạc sĩ bị

bắt vì tình nghi đã ăn cướp hăng bảo hiểm chỉ vì đáng dấp ông ta giống chính thủ phạm thực thụ. Ông ta đi tìm các chứng nhân, nhưng đa số các chứng nhân hoặc đã chết đi hoặc không nhớ họ đã làm gì vào hôm xảy ra ăn cướp. Nổi tiếng nhất là hai phim The Man who knew too much (Người biết quá nhiều) với James Stewart và Doris Day, và phim North by NorthWest (Hướng Bắc và Tây-Bắc) với Cary Grant và Eva Mary Saint. (Doris Day có hát bản nhạc nổi tiếng Que Sera Sera trong phim The Man who knew too much). Trong hai phim này các nhân vật chính bị lôi kéo vào những vụ âm mưu lớn, và bị hàm oan là biết rõ các âm mưu đó, hoặc bị báo chí chụp hình (oan và sai) đã đâm một viên chức của Liên Hiệp Quốc (North by NorthWest). Những nhân vật chính này tuy ở thế yếu của một người dân bình thường - nhưng vì bị dồn vào một thế phải chọn lựa những gì phải và những gì trái, chính họ cũng không ngờ rằng họ đã huy động được sức mạnh tiềm tàng trong con người để vượt ra khỏi cảnh oan kiên và cả thắng bọn ma đầu tội phạm. Trong TNGH cũng vậy, từ đầu tới đuôi Kim Dung đã gán hoạ vào đầu Lệnh Hồ Xung với ba chữ oan, oan, oan. Đầu tiên Kim Dung cho Hồ Xung bị kết tội trước quần hùng là đã toa rập với dâm tặc Điền Bá Quang lo nhậu nhẹt và hăm hiếp ni cô Nghi Lâm của phái Hằng Sơn. Cái oan đầu tiên này Kim Dung dùng đến cả quyển 1 mới giải toả được. Sau khi Hồ Xung học được Độc Cô cửu kiếm vì không tiện nói ra với sư phụ Nhạc Bất Quần nên bị sư phụ và nhiều người khác nghi ngờ rằng đã chôn được Tịch Tà kiếm phổ hoặc học được đầu đó của quân tà ma ngoại đạo. Trong lúc nằm dưỡng bệnh, Nhạc Linh San đem quyển luyện nội công của cha đến cho Hồ Xung mượn để chữa bệnh. Hồ Xung chưa kịp đọc, quyển sách đã bị mất và một người sư đệ ngồi canh Hồ Xung bị giết chết. Ai cũng nghi (lầm) Hồ Xung chiếm quyển sách đó và thủ tiêu vị sư đệ để ém nhem. Nhạc Linh San do nổi nghi ngờ và hiểu lầm này đã dần dần xa rời Hồ Xung và ngã về

Lâm Bình Chi. Chính nỗi hăm oan này đã đào một cái hố chia rẽ tình thầy trò giữa Bất Quần và Hồ Xung cho đến mãi về sau. Kim Dung đã áp dụng kỹ thuật kinh dị thriller à la Hitchcock cho đến đoạn gần cuối truyện. Lúc đó trước khi Lâm Bình Chi giết Nhạc Linh San, Bình Chi mới bật mí về quyền Tịch Tà Kiếm phổ, và lột mặt nạ quân tử giả dối của Nhạc Bất Quần trước mặt Linh San. Doanh Doanh núp đầu gần đó lắng tai nghe hết.

(8) Theo ý kiến của Nhất Tiểu thì nhận định này hoàn toàn không hợp lý. Lâm Bình Chi không phải là nhân vật chính của Tiểu ngạo giang hồ, và câu chuyện không chỉ xoay quanh Tịch tã kiếm phổ. Việc khởi đầu truyện theo cách thức như vậy là một thủ pháp rất quen thuộc của Kim Dung, ta có thể thấy trong Bích huyết kiếm, Lộc Đình ký chẳng hạn.

Một kỹ thuật dựng truyện khác của Kim Dung cũng có lẽ chịu ảnh hưởng phim đánh gươm của Hollywood vào khoảng năm 1952, phim Scaramouche do Stewart Granger, Janet Leigh và Mel Ferrer thủ vai chính, dựa theo một tiểu thuyết kiếm hiệp dã sử của Rafael Sabatini, một nhà văn thường được xem ngang hàng với Alexandre Dumas, tác giả của Ba người lính ngự lâm (The Three Musketeers). Scaramouche dựng bối cảnh vào khoảng vài năm trước cách mạng Pháp 1789. Anh chàng lãng tử André Moreau vì phải trốn tránh kẻ thù Hầu tước De Maines người đã giết anh bạn thân mang giòng máu cách mạng Phillippe, nên phải gia nhập một gánh xiếc lưu động, đóng vai kếp hài mang mặt nạ tên Scaramouche. Ôm giấc mộng trả thù cho bạn, André tình cờ theo học đánh gươm với thầy dạy kiếm thuật cho hầu tước De Maines. Một ngày nọ De Maines phát hiện được, và đánh cho André tơi bời te tua qua một trận đấu gươm tại võ sảnh của thầy. Thầy dạy gươm cho André không được nữa vị tôn sư của André và De Maines mới chỉ cho André địa chỉ của Thầy mình hiện còn dạy đánh gươm ở Paris. André mừng quá kêu đoàn xiếc lên Paris lưu diễn và theo học kiếm pháp với Thầy của

Thầy mình, và về sau trong một trận đấu gươm tại hí viện kéo dài chừng 15 phút, một trận đấu gươm lâu nhất trên màn bạc, Scaramouche (tức André) đã đánh bại được De Maines.

Kim Dung trong lúc viết TNGH có lẽ đã chịu ảnh hưởng ít nhiều của Hitchcock và thêm vào đó, của Sabatini trong Scaramouche. Ở chỗ nào? Ở chỗ lần đầu tiên trong truyện kiếm hiệp Tàu người ta thấy một điểm ngộ nghĩnh nhưng có vẻ mới lạ và chắc ăn trong việc Lệnh Hồ Xung được bậc Thầy của Thầy mình truyền dạy kiếm pháp cho. Độc giả dù ít đọc truyện Tàu cách mấy đi nữa khi thấy một anh chàng lãng tử được sư thúc của Thầy mình truyền dạy đều có thể đoán ngay thế nào anh chàng này về sau có đấu với Thầy có thể cho Thầy mình đo ván là cái chắc. Cũng như khi xem phim Scaramouche tới đoạn ông thầy của Scaramouche chỉ dẫn cho Scaramouche lên Paris để học tiếp đường gươm nét kiếm tuyệt chiêu của Thầy mình, người xem có thể đoán, trong thích thú, vào cuối phim Scaramouche sẽ đánh bại De Maines, học trò của học trò của Thầy mình. Phong Thanh Dương một bậc tôn sư hàng đầu về kiếm pháp, vai em của Thầy của Nhạc Bất Quần, Thầy của Lệnh Hồ Xung, đã đem Độc Cô Cửu Kiếm truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Tuy nhiên, điểm này có hơi phá đổ tôn ti trật tự của hệ thống quân sư phụ ngày trước. Để hoá giải điểm đảo lộn trật tự lỏng chỏng này, Kim Dung đã lồng vào đó một cái thế chẳng đáng dừng cho Lệnh Hồ Xung: Kim Dung cho dân tộc Điền Bá Quang lên núi thách thức đấu kiếm với Lệnh Hồ Xung. Nếu thua Lệnh Hồ Xung phải bỏ việc chịu hình phạt của Thầy, đi theo hấn xuống núi. Trận đấu kiếm xảy ra nhiều ngày. Mỗi đêm Hồ Xung trở vào thạch động học tiếp với Thái Sư Thúc (vai chú của thầy mình) Phong Thanh Dương. Đến lúc học xong Độc Cô Cửu kiếm rồi, Lệnh Hồ Xung đánh cho Điền Bá Quang thua xiềng liềng và chạy dài xuống núi.

Tiểu Ngạo Giang Hồ còn cho thấy tầm nhìn rất xa của Kim Dung, ngay từ

1963 năm xuất hiện TNGH. Đó là những nhận xét về giới Gay (homosexual, đồng tính luyến ái) hoặc gọi nôm na Pê Đê, bắt nguồn từ tiếng Tây pèdéraste, hay những nhận xét về ảo tưởng quyền bính hoặc thần thánh hoá lãnh tụ. Một trong những cái đỉnh của TNGH là Tịch Tà Kiếm Phổ của dòng họ Lâm - chủ nhân Phước Oai Tiêu Cục ở Phúc Kiến. Tịch Tà Kiếm Phổ đầu tiên do một hoạn quan (thái giám) sáng chế ra. Sau đó một ông sư hoàn tục tên Lâm Viễn Đồ - tức tổ tiên của Lâm Bình Chi - có duyên được làm sở hữu chủ quyền bí kíp này. Bởi kiếm phổ do một thái giám phát minh ra, điều kiện cần và đủ để luyện tập nó là người luyện tập phải tự cắt mất thằng nhỏ của mình đi. Càng trở thành bán nam bán nữ hay thiên nhiều về nữ tính càng tốt. Lâm Viễn Đồ muốn cho chắc ăn nên đã chờ đến khi có vợ con đàng hoàng rồi, mới tiến hành luyện tập nó! Sau này giáo chủ Ma giáo Đông Phương Bất Bại trở nên đệ nhất cao thủ cũng nhờ ở nó, nhưng chỉ sau khi lão ta gần như trở thành một phụ nữ thực thụ, e ấp một đào nhí phái nam. Rồi Nhạc Bất Quần đến Lâm Bình Chi đều bắt đầu rụng râu, xúc dầu thơm, trang sức thật đẹp sau khi tập luyện Tịch Tà kiếm đến độ thành thục. Phải nhìn nhận Kim Dung vào ở đầu thập kỷ 60 đã có những nhận xét cực kỳ sắc bén về việc phối hợp Tịch Tà kiếm pháp với giới Pê Đê. Vào thời đó tại hầu hết các quốc gia trên thế giới tình huống PêĐê hãy còn nằm ngoài pháp luật. Tìm hiểu những cá tính của người gay phải nói là một việc hết sức khó khăn. Thế mà Kim Dung đã làm được và lồng vào một thể kiếm Tịch Tà vô địch thiên hạ. Tịch Tà kiếm là gì nếu không là một lối xử dụng chiêu kiếm hoặc kiếm khí cực kỳ nhanh lẹ cần vào đôi tay khéo léo nhanh nhẹn của người phụ nữ cộng với một nội lực thâm hậu của người đàn ông. Ta hãy trích một đoạn nhỏ nói về thể đánh của Đông Phương Bất Bại với Lệnh Hồ Xung: Lệnh Hồ Xung phóng chiêu kiếm này rất hiểm, nếu Đông Phương Bất Bại không thu người lại thì lập tức bị mũi kiếm đâm xuyên qua yết hầu ngay.

Nhưng ngay lúc này, Lệnh Hồ Xung cảm thấy má bên trái hơi đau, hướng trường kiếm sang bên trái.

Thì ra Đông Phương Bất Bại ra tay quá nhanh, thật không thể lường được. Trong lúc nhoáng như tia chớp, lão đã dùng kim đâm lên má Lệnh Hồ Xung. May mà chiêu kiếm này của Lệnh Hồ Xung phóng rất nhanh, tấn công khiến địch nhân không thể tự cứu.

Lão liên vùng kim trái phải trên dưới gạt hết bốn chiêu kiếm của Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung chăm chú nhìn lão ra tay. Lão dùng kim theo gạt bốn chiêu, toàn thân không có chỗ hở.

Ngày nay cộng đồng người gay sống yên ổn hoà mình với cộng đồng người straight. Những ai có quen biết hoặc bạn bè với những cặp gay đều để ý rằng trong bất cứ cặp nào cũng có một người thủ vai người nam (mang nhiều nam tính hơn người kia), và một người thủ vai nữ, chuyên lo việc thuê thừa bếp núc trong nhà. Người thủ vai nữ rất khéo léo, tay chân nhanh nhẹn không thua gì người đàn bà nhưng thông thường hãy còn giữ sức mạnh (nội lực theo Kim Dung) của đàn ông. Kim Dung vào năm 1963 đã tạo dựng Tịch Tà kiếm pháp và chỉ dành riêng kiếm pháp đó, thật chính xác, cho loại người này. Thật tuyệt chiêu.

Cũng ở cái thời 60 đó Kim Dung đã dựng nên chuyện Lâm Bình Chi phải làm đám cưới giả với Nhạc Linh San để che mắt thiên hạ, nhất là ngục quân tử Nhạc Bất Quần, việc mình đã trở thành gay bất đắc dĩ. Mãi cho đến khoảng cuối thập niên 1980 nhân cái chết của tài tử Rock Hudson báo chí mới bắt đầu xì ra ở Hollywood đã có không ít đám cưới giả "à la Lâm Bình Chi" để che mắt giới hâm mộ điện ảnh rằng tài tử nào đó không phải gay. Nhiều đám cưới của một vài tài tử nổi tiếng hiện nay vẫn còn bị xâm xì là đám cưới che mắt, mặc dù xã hội đã biến đổi rất nhiều và vẫn có nhiều tài tử hay nhà thể thao nổi tiếng công khai có một đời sống lứa đôi gay.

Tầm nhìn xa của Kim Dung còn thể hiện qua việc Kim Dung cho Đông Phương Bất Bại rồi sau này Nhậm Ngã Hành đâm ra mù quáng mang nhiều ảo tưởng thần thánh về quyền lực. Giáo chủ Đông Phương Bất Bại bắt thuộc hạ phải luôn quỳ xuống và xưng hô: "Giáo chủ thiên thu trường trị, thống nhất giang hồ". Bình hơn nữa thuộc hạ phải hô to: "Tri ân giáo chủ, nhờ nói lên tên giáo chủ thuộc hạ cảm thấy sáng suốt hơn lên", hoặc: "Ngày nào không đọc bảo huấn của giáo chủ, thì ăn không ngon ngủ không yên".

Dành một chương mô tả và châm biếm sinh hoạt tôn sùng lãnh tụ ngay ở tổng bản doanh của Ma giáo, Kim Dung chắc hẳn đã phản ánh đến câu nói bất hủ của Lord Acton mà chính Kim Dung chắc đã từng đọc qua trong lúc theo học Luật ở Thượng Hải thuở thanh niên: "Power corrupts, absolute power corrupts absolutely" (Quyền lực làm hư thói con người, quyền lực tuyệt đối chắc chắn sẽ tuyệt đối làm hư thói con người).

Viết đoạn suy tôn thần thánh những người lãnh tụ như kiểu Nhậm Ngã Hành hay Đông Phương Bất Bại vào năm 1963, Kim Dung cũng gần như đã tiên đoán những gì sẽ xảy ra ở Trung Quốc trong cuộc cách mạng văn hoá của Mao Trạch Đông vào khoảng cuối thập niên 60, hoặc việc thần thánh hoá lãnh tụ Kim Nhật Thành ở Bắc Triều Tiên. Vào thời đó nhiều người thường dân ưa cúi đầu trước những bức hình to lớn của nhà lãnh tụ treo ở các dinh thự, các quảng trường, để cầu nguyện hay tri ân nhờ hồng phúc của lãnh tụ nhà mình được tai qua nạn khỏi, hoặc đã lao động tốt. Họ dường như quên rằng chính lãnh tụ đã gây ra bao nhiêu chết chóc và kinh hoàng trong nhân dân. Ngày nay, nhất là ở các nước tiên tiến có dân trí cao, đừng nói chi đến thần thánh hoá lãnh tụ, ngay cả chuyện thần tượng hoá nhà lãnh đạo cũng đã bắt đầu bị sụp đổ hay dẹp qua một bên. Có lẽ đó cũng nhờ hồng phúc của Monica hấp tinh đại pháp độn độ với xi-gà kiếm pháp vào cuối thế kỷ vừa qua ở Mỹ. Phần lớn nhân loại hiện nay bắt đầu ý thức rằng lãnh tụ có giới

đến đâu chẳng nữa, cũng chỉ là con người thôi.

Thế còn luật Ngũ hành vận chuyển ra sao trong TNGH? Xin tóm tắt lại những điểm chính về Ngũ hành đã trình bày trong Thử Đọc Lại Kim Dung I. Khác với lô-gích tam đoạn luận của Tây Phương: A thắng B, B thắng C, suy ra A sẽ thắng C, lô-gích Ngũ hành sẽ cho: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả, và Hoả sẽ khắc Kim trở lại. Nếu Lô-gích Tam đoạn luận được biểu diễn bằng một đường thẳng đứng, lô gích Ngũ hành sẽ được tượng trưng bằng một vòng tròn kín.

Mạng Thủy còn được biểu tượng bằng hướng Bắc (màu Đen), Mộc hướng Đông (màu Xanh), Hoả hướng Nam (màu Đỏ), Thổ miền Trung (màu Vàng), và Kim thuộc hướng Tây (màu Trắng). Ngoài chu kỳ khắc theo lôgích kiểu Tam Đoạn Luận, Ngũ hành còn có một chu kỳ SINH tức chu kỳ hỗ trợ: Thổ hỗ trợ Kim, Kim giúp Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc giúp Hoả, và Hoả sinh Thổ.

Đầu tiên ta đề ý đến Ngũ Nhạc Kiếm Phái tức năm phe phái phối hợp với nhau thành một khối liên minh, bao gồm: Phái Hằng Sơn ở phía Bắc, Thái Sơn phía Đông, Hành Sơn phía Nam, Hoa Sơn hướng Tây và Tung Sơn thuộc miền Trung. Nhạc Bất Quần thuộc miền Tây chưởng môn Hoa Sơn thuộc mạng Kim. Kim khắc Mộc. Hoa Sơn hướng Tây khắc phục được Lâm Bình Chi người Phúc Kiến hướng Đông (Mộc) của nước Tàu, thu Lâm Bình Chi làm đồ đệ rồi chôm được Tịch Tà Kiếm Phổ của họ Lâm.

Họ Lâm là một họ rất phổ thông của người Phúc Kiến và người Triều Châu. Tại Việt Nam, đa số những người Việt có họ Lâm thường có gốc gác người Hoa xuất từ Phúc Kiến hoặc Triều Châu. Họ Lâm cũng có nghĩa là rừng, liên hệ đến cây cối, tức mạng Mộc. Họ Lâm người gốc Phúc Kiến ở phía Đông nên Lâm Bình Chi chắc chắn mang mạng Mộc. Đông Phương Bất Bại cũng mạng Mộc bởi tên lão có từ ĐÔNG. Nhạc Bất Quần thuộc mạng Kim, có thể

được hỗ trợ bởi mạng Thổ. Bởi vậy trường môn Tung Sơn Tả Lãnh Thiên, miền Trung mạng Thổ, âm mưu nhiều năm thống nhất năm phái Ngũ hành để lên làm minh chủ, nhưng rốt cuộc lão gần như bày mâm dọn cỗ cho đối thủ lão là Nhạc Bất Quần. Thổ đã hỗ trợ Kim. Trong trận đấu giữa Nhạc Bất Quần với Tả Lãnh Thiên - Thổ với Kim không ai khắc ai - nhưng Kim Dung đã cho Bất Quần thắng và đâm mù mắt Lãnh Thiên. Chỉ nhờ ở Bất Quần xử dụng Tịch Tà kiếm pháp (thuộc mạng Mộc ở miền Đông) mới khắc chế được Lãnh Thiên, Mộc khắc Thổ.

Phái Hằng Sơn của các vị ni cô ở phía Bắc thuộc mạng Thủy. Phái này bị phe Tung Sơn miền Trung mạng Thổ phá rồi đánh cho gần như tan hàng (Thổ khắc Thủy). Thế Lệnh Hồ Xung mạng gì? Điểm đầu tiên ta để ý Kim Dung rất thích cho nhân vật chính mang mạng Hoả: Trương Vô Kỵ, Quách Tĩnh đều mang mạng Hoả. Vậy thử cho Hồ Xung mang mạng Hoả, người phía Nam xem ra sao. Tính người mang mạng Hoả: giàu tình người, nhiều trực giác, thích được thương yêu, thích sôi nổi, giao tế giỏi, hoàn toàn thích hợp với cá tính của Lệnh Hồ Xung. Hoả thường được giúp bởi Mộc (màu xanh và hướng Đông). Lệnh Hồ Xung được Phong Thanh Dương dạy cho Độc Cô cửu kiếm. Trong tên Phong Thanh Dương có hai từ Thanh và Dương đều chỉ màu xanh thuộc mạng Mộc. Ni cô công Hồ Xung chạy trốn lúc Hồ Xung bị thương nặng, và thầm yêu Hồ Xung suốt đời, mang tên Nghi Lâm. Lâm tức là rừng, nhiều cây cối, mạng Mộc. Người yêu thương Lệnh Hồ Xung, giúp đỡ Lệnh Hồ Xung rất nhiều, công Hồ Xung lên Thiếu Lâm đổi mạng mình nhờ Phương Chứng đại sư chữa bệnh cho Hồ Xung là Nhậm Doanh Doanh. Trong TNGH Kim Dung ít mô tả về màu sắc quần áo các nhân vật, nhưng lại giới thiệu Doanh Doanh bỏ trốn khỏi tông hành dinh Ma giáo đi tham quan giang hồ với một lão tướng bodyguard mang tên Lục Trúc Ông, trong tên có TRÚC ám chỉ mạng Mộc. Doanh Doanh mạng Mộc giúp

đỡ mạng Hoả của Hồ Xung. Mạng Hoả của Hồ Xung khắc chế được mạng Kim của thầy cũ Nhạc Bất Quần, nhưng có thể chế ngự mạng Thủy của các ni cô phái Hằng Sơn ở phía Bắc. Bởi vậy Kim Dung cho các vị Định Dật, Định Tĩnh và Định Nhân trời trăn cho Hồ Xung làm chủ môn Hằng Sơn lãnh đạo toàn các ni cô, Hồ Xung cũng phải nhận bởi Hoả bị khắc phục, bị cảm hoá bởi Thủy.

Nhậm Ngã Hành mạng gì? Lúc Nhậm Ngã Hành bị Đông Phương Bất Bại (mạng Mộc) đảo chánh, Nhậm mang mạng Thổ. Mộc khắc Thổ. Kim Dung nói rõ Nhậm bị giam dưới lòng đất - mạng Thổ. Thế nhưng Nhậm lại bị giam dưới lòng Tây Hồ ở thành phố đẹp nhất Trung Quốc Hàng Châu (Tây Hồ => TÂY => mạng Kim) trong vòng 10 năm và luyện thành được Hấp Tinh đại pháp, Tinh thường màu trắng, lại mạng Kim. Nhậm Ngã Hành sau 10 năm bị giam cầm đã chuyển dần sang mạng Kim, để rồi Kim khắc Mộc, trở ra lật đổ và giết Đông Phương giáo chủ trả được hận xưa.

Trở lại Ngũ hành của Ngũ Nhạc Kiếm Phái. Ngũ hành ở đây cũng tương đương với Ngũ hành của Võ lâm ngũ bá: Đông Tà Hoàng Dược Sư (Mộc), Tây độc Âu Dương Phong (Kim), Trung Thần Thông Vương Trùng Dương (Thổ), Bắc Cái Hồng Thất công (Thủy), Đoàn Nam Đế (Hoả). Nhưng có điểm đáng kể, mạng Thổ của miền Trung trong Võ lâm ngũ bá là một vai chính nhân quân tử đạo mạo oai phong (Vương Trùng Dương) thì ở TNGH một vai cực kỳ gian ác hiểm độc thể hiện qua Tả Lãnh Thiền. Nhiều tác giả từng đưa giả thiết về Những ẩn số chánh trị trong truyện Kim Dung (NNH) hoặc Dụ Ngôn về Chính Trị (VĐSB) theo đó Vương Trùng Dương biểu hiệu cho Trung Hoa, Âu Dương Phong biểu hiệu cho Âu Mỹ, Bắc Cái cho nước Nga, Đông Tà cho nước Nhật, Nam Đế cho Việt Nam (?), v.v. chắc không khỏi ngỡ ngàng khi thấy miền Trung của Tả Lãnh Thiền phái Tung Sơn, một người nham hiểm và mang nhiều tham vọng dơ bẩn, không còn là một biểu

tượng đáng yêu nữa cho nước Tàu. Biểu tượng nước Nga ở phía Bắc (phái Hằng Sơn đầy từ bi độ lượng) hoặc nước Nhật qua những người hùng phải tự cắt thằng nhỏ của mình à la Lorena Bobbitt như Lâm Bình Chi, Đông Phương Bất Bại chắc cũng không còn cơ sở lý luận vững chắc nữa. Theo thiên ý con số 5 của Võ lâm ngũ bá, hoặc Ngũ Nhạc Kiếm Phái, Kim Dung chỉ đưa ra để phô trương thuyết Ngũ hành siêu đẳng của Trung Quốc. Và lô-gích ngũ hành đó, xuyên qua cá tính sinh-khắc giữa các nhân vật với nhau, Kim Dung đã trình bày rất mạch lạc chặt chẽ.

Bản dịch TNGH mới mẻ của Vũ Đức Sao Biển và ê-kíp quả nhiên là một việc làm đáng được khích lệ và hoan nghênh. Nếu trong ngành điện ảnh Âu Mỹ người ta đã từng quay đi quay lại nhiều phim hay xưa cũ, như Psycho, Rear Window, Dial M for Murder, the Three Musketeers, v.v. rồi ở giới phim tập Hongkong cứ vài năm họ lại quay lại Tiểu Ngạo Giang Hồ, Y thiên Đồ long ký, Anh hùng xạ điêu, v.v. thì tại sao ở Việt Nam ta không tán thưởng công việc đưa chiếc bình mới để chứa rượu cũ này.

Trong bản dịch mới chính các tác giả cũng thừa nhận không thể hoàn toàn chuyển hết các cụm từ hoặc thành ngữ Hán sang chữ quốc ngữ. Thí dụ: Giáo chủ thiên thu vạn tải, thống nhất giang hồ. Bởi nếu chuyển hết sẽ không còn mang tính chất kiếm hiệp nữa và vô hình chung sẽ mất hết cái hay ho tinh túy của truyện Tàu nói chung và truyện chương Kim Dung nói riêng. Dù vậy lần chuyển ngữ này đã đem lại cho người đọc không ít thích thú, qua những từ thuộc tiếng lóng, tiếng bình dân thường được sử dụng hằng ngày. Thí dụ, rất nhiều đoạn dịch giả viết Kiếm Khách A đánh cho kiếm khách B thua te tua chạy dài. Hoặc tại hạ sẽ có ngày lên núi của các hạ để tính sổ lại, tức để thanh toán ân oán giang hồ. Nhưng vui nhất phải là đoạn Điền Bá Quang tâm sự với Lệnh Hồ Xung rằng anh ta bị Bất Giới đại sư, thân phụ của ni cô Nghi Lâm, cắt bớt phân nửa thằng nhỏ rồi! Chỗ này chính Kim Dung đã để

lộ một lôgích rất chặt chẽ: Tại sao Bất Giới chỉ cắt phân nửa thẳng nhỏ của Điền Bá Quang mà thôi? Kim Dung chắc chắn không cho Bất Giới cắt hết trọn thẳng nhỏ của Bá Quang bởi nếu cắt hết vô hình chung Kim Dung sẽ đẩy Bá Quang vào cái nhóm tự cắt để luyện tập Tích Tà kiếm phổ, như Lâm Bình Chi, Nhạc Bất Quần, Đông Phương Bất Bại! Cho Bá Quang bị mất chỉ một demi-thẳng nhỏ thôi mới giữ được Bá Quang bên phe straight của Lệnh Hồ Xung.

Một điểm nữa trong bản dịch đã khiến người đọc ở ngoài nước Việt Nam không khỏi chú ý. Đó là biến đổi của ngôn ngữ, của tiếng Việt tại Việt Nam trong vòng 25 năm qua. Bây giờ người ta gọi đánh cược thay vì đánh cuộc (đánh cá) như hồi xưa. Cược đã thay cho Cuộc và đã vào các tự điển đảng hoàng.

Hy vọng bản dịch mới Tiểu Ngạo Giang Hồ sẽ đến với giới hâm mộ Kim Dung ở bên ngoài Việt Nam trong nay mai.

Nguồn: Thái Nhi

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003